

# CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

## QUYỂN 4

### Sa môn Đạo Nguyên đời Tống soạn

#### PHÁP TỰ CỦA TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT ĐẠO TÍN:

Cộng chung 183 người, trong đó 76 người bằng xuất Tổ tông sáu đời của Kim Lăng Ngưu Đầu Sơn được ghi chép:

- Đời thứ nhất: Thiền sư Pháp Dung
- Đời thứ hai: Thiền sư Trí Nham
- Đời thứ ba: Thiền sư Tuệ Phương
- Đời thứ tư: Thiền sư Pháp Trì
- Đời thứ năm: Thiền sư Trí Oai
- Đời thứ sáu: Thiền sư Tuệ Trung

Pháp tự Tổ tông sáu đời trước cộng 80 người:

Từ Thiền sư Pháp Dung trở xuống bằng xuất 12 người, một người được ghi chép: Thiền sư Đàm Thôi núi Kim Lăng.

Pháp tự đời thứ ba, Thiền sư Trí Oai 12 người, sáu người được ghi chép:

- 1- Thiền sư Huyền Đĩnh chùa An Quốc ở Tuyên Châu
- 2- Thiền sư Huyền Tổ chùa Hạc Lâm ở Nhuận Châu
- 3- Thiền sư Sùng Tuệ núi Thiên Trụ ở Thư Châu
- 4- Thiền sư Đạo Khâm núi Kính Sơn Hàng Châu
- 5- Thiền sư Đạo Lâm Ô Khòa ở Hàng Châu
- 6- Thiền sư Hội Thông chùa Chiêu Hiền Hàng Châu

Sau Thiền sư Tuệ Trung hai đời bằng xuất 36 người, hai người được ghi chép:

- 1- Thiền sư Duy Tắc Phật Quật núi Thiên Thai
- 2- Thiền sư Vân Cư Trí núi Thiên Thai

Đời thứ năm sau Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn bằng xuất 107 người:

**Đời Thứ Nhất:** 13 người, ba người được ghi chép:

1. Thiền sư Thần Tú của Bắc tông
2. Quốc sư Tuệ An Tung Nhạc
3. Thiền sư Đạo Minh Mông Sơn Viên Châu

**Đời Thứ Hai:** 37 người:

Pháp tự của Bắc tông Thần Tú 19 người, năm người được ghi chép:

1. Thiền sư Cự Phương núi Ngũ Đài
2. Thiền sư Trí Phong núi Trung Điều, phủ Hà Trung
3. Thiền sư Hàng Ma Tạng Duyên Châu
4. Thiền sư Đạo Thọ Thọ Châu
5. Thiền sư Toàn Thực núi Đô Lương Hoài Nam

Pháp tự của Quốc sư Tuệ An Tung Nhạc 18 người, ba người được ghi chép:

1. Thiền sư Nhân Kiệm chùa Phước Tiên Lạc Kinh
2. Hòa thượng Phá Táo Đọa Tung Nhạc
3. Thiền sư Nguyên Khuê Tung Nhạc

**Đời Thứ Ba:** 49 người:

Pháp tự của Thiền sư Phổ Tịch 46 người, một người được ghi chép: Thiền sư Duy Chính núi Chung Nam.

**Đời Thứ Tư:** 7 người:

Pháp tự của Thiền sư Vô Tướng Ích Châu 5 người, một người được ghi chép: Thiền sư Vô Trụ chùa Bảo Đường Ích Châu.

**Đời Thứ Năm:** 1 người.

## NGƯU ĐÀU SƠN - THIÊN SƯ PHÁP DUNG PHÁP TỰ CỦA TỨ TỔ ĐẠO TÍN

Thiên sư Pháp Dung là người Diên Lăng Nhuận Châu. Ngài họ Vi, năm 19 tuổi đã học thông kinh sách của ngoại điển, về sau ngài đọc bộ kinh Bát-nhã, hiểu đạt được lý chân không, nên một ngày nọ than rằng: “Thế điển của đạo Nho và đạo Lão không phải pháp cứu cánh. Bát-nhã mới chính là thuyền xuất thế”. Nhân đó ngài lên Mao Sơn ẩn thân xuống tóc qui y với một Thiên Sư. Sau ngài vào thạch thất ở vách núi phía bắc của chùa U Thê tại núi Ngưu Đầu. Nơi đây có điều kỳ dị là hơn trăm con chim ngậm hoa đem đến thạch thất. Khoảng niên hiệu Đường Trinh Quán, Tứ Tổ Đạo Tín quan sát khí tượng biết tại núi Ngưu Đầu này có dị nham, bèn đích thân đến hỏi thăm tăng chúng trong chùa:

- Nơi này có đạo nhân không ?

Tăng chúng nói:

- Bọn xuất gia chúng con ai mà không phải là đạo nhân !

Tổ nói:

- Vậy ai là đạo nhân đâu ?

Vị tăng tịt lời. Riêng có một vị tăng nói:

- Từ đây đi vào núi 10 dặm có ông Dung lười, thấy người chẳng đứng dậy, cũng chẳng chấp tay chào, hay đó là đạo nhân chăng ?

Tổ bèn đi vào núi, gặp sư ngồi thẳng như chẳng nhìn nơi nào cả.

Tổ hỏi:

- Ông ở đây làm gì ?

Sư đáp:

- Quán tâm.

Tổ hỏi:

- Thế ai là người quán sát, còn tâm là vật gì ?

Sư không trả lời được, liền đứng dậy vái chào hỏi:

- Đại Đức trụ nơi nào ?

Tổ đáp:

- Bàn đạo chẳng có chỗ trụ nhất định, khi đông khi tây vậy thôi !

Sư hỏi:

- Ngài có biết Thiên sư Đạo Tín không ?

Tổ nói:

- Vì sao lại hỏi đến ông ta ?

Sư đáp:

- Ngưỡng mộ danh đức của ngài Đạo Tín đã lâu, mong có dịp tham yết.

Tổ nói:

- Thiên sư Đạo Tín chính là bàn đạo đây !

Sư hỏi:

- Vì sao ngài lại đến đây ?

Tổ nói:

- Ta cố ý đến đây để tìm ông. Nơi đây có chỗ nào nghỉ ngơi được không ?

Sư chỉ mé sau nói:

- Có cái am nhỏ đây !

Đoạn dẫn Tổ đến chỗ am. Quay quần bên am chỉ thấy toàn hồ lang.

Tổ đưa tay che tỏ vẻ e dè. Sư nói:

- Kẻ cũng còn có cái đó vậy.

Tổ hỏi:

- Thế mới vừa rồi ông thấy cái gì ?

Sư cứng họng. Lát sau Tổ viết một chữ “Phật” trên phiến đá làm chỗ ngồi của sư. Sư nhìn thấy sợ xanh mặt. Tổ nói:

- Ôi trăm ngàn pháp môn cùng qui về tác dạ, Hằng sa diệu đức đồng tại tâm duyên. Tất cả thần thông biến hóa giới môn, định môn, tuệ môn, tất tụt cục tụt, chẳng rời tâm ông. Tất cả phiền não, nghiệp chướng bản lai không tịch. Tất cả nhân quả đều như mộng ảo. Chẳng có tâm giới nào khả xuất, chẳng có Bồ-đề nào khả cầu. Nhân và phi nhân tánh tướng

vốn bình đẳng. Đại đạo trống rỗng, chẳng tư chẳng lự, pháp như thế đấy, nay ông đã có đủ, chẳng thiếu chút nào. Như vậy với Phật có khác gì đâu, cần chi phải tìm pháp khác nữa. Ông chỉ cần để tâm tự tại, chẳng nên quán chur hành, mà cũng chẳng trừng tâm. Đừng khởi tham sân mà cũng đừng ôm mối lo lắng buồn rầu. Hãy thanh thản vô ngại, mặc ý tung hoành. Chẳng làm điều thiện, chẳng làm điều ác. Hành, trụ, tọa, ngọa, nơi nơi đều lộ duyên. Nói chung lại thì đó là sự diệu dụng khoái lạc vô ưu của Phật, cũng tức là Phật vậy.

Sư hỏi:

- Tâm nếu đã đầy đủ thì cái nào là Phật, cái nào là tâm ?

Tổ nói:

- Không phải tâm thì chẳng hỏi Phật, đã hỏi Phật thì không cái nào chẳng là tâm.

Sư nói:

- Đã chẳng cho quán chur hành thì lúc cảnh khởi, tâm làm sao đối trị được ?

Tổ nói:

- Cảnh duyên chẳng tốt xấu. Xấu tốt khởi từ tâm. Tâm nếu chẳng cường danh, vọng tình do đâu mà khởi được chứ ? Vọng tình đã chẳng khởi, chân tâm mặc tình biến tri. Ông chỉ cần tùy tâm tự tại, chớ chẳng cần lo đối trị. Điều đó tức gọi là thường trụ, còn Pháp thân thì chẳng đổi dời. Ta thọ nhận pháp môn đốn giáo từ Đại sư Tăng Xán. Nay ta trao lại cho ông. Giờ đây ông hãy nhận kỹ lời ta rồi chỉ trụ núi này, sau sẽ có năm người đạt pháp tiếp nối huyền hóa !

Tổ truyền Pháp xong liền quay về núi Song Phong dưỡng già. Sư từ đó pháp tịch đại thành. Năm Đường Vĩnh Huy, đồ chúng thiếu lương ăn, sư đến Đang Dương mộ hóa cách núi Ngưu Đầu 80 dặm, tự mình vác một thạch tám đấu gạo, sáng đi chiều về, cung cấp lương thực cho 300 tăng nhân, trải không dưới ba năm. Quan huyện lệnh Tiêu Nguyên Thiện thỉnh sư giảng kinh Đại Bát-nhã tại chùa Kiến Sơ, người nghe

đông dày. Khi sư giảng đến phẩm Diệt Tịnh đất bỗng rung rinh. Giảng xong sư trở về núi. Trong khóa giảng, Bác Lăng Vương hỏi sư rằng:

**Bài I:**

**A. Bác Lăng Vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Cảnh duyên sắc phát thời

Bất ngôn duyên sắc khởi

Vân hà đắc tri duyên

Nãi dục tức kỳ khởi

**Tạm dịch:**

*Lúc cảnh duyên sắc phát khởi*

*Nếu chẳng nói duyên sắc khởi*

*Thì làm cách nào biết được duyên*

*Mà muốn ngưng khởi ấy.*

**B. Dung Thiên sư đáp:**

**Phiên âm:**

Cảnh sắc sơ phát thời

Sắc cảnh nhị tánh không

Bản vô tri duyên giả

Tâm lượng dữ tri đồng

Chiếu bản phát phi phát

Nhĩ thời khởi tự tức

Bảo ám sinh giác duyên

Tâm thời duyên bất trực

Chí như vị sinh tiền

Sắc tâm phí dưỡng dục

Tùng không bản vô niệm

Tưởng thọ ngôn niệm sanh

Khởi pháp vị tăng khởi

Khởi dụng Phật giáo lịnh.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Cảnh sắc lúc mới khởi phát ra  
Cảnh sắc hai tánh đều không  
Vốn không biết duyên đâu  
Lòng suy lường cùng tri đồng  
Neu thấy từ nguồn gốc phát không phải phát  
Thì lúc ấy khởi tự tất  
Ôm ám muội mới sanh ra biết duyên  
Khi tâm sản sanh duyên không theo  
Chí như lúc chưa sanh ra  
Sắc tâm chẳng nuôi nấng  
Từ không tịch vốn chẳng có niệm  
Do tư tưởng thọ mà ngôn niệm sanh  
Chớ khởi pháp chưa từng khởi  
Há phải dùng đến giáo điều của Phật ru ?*

**Bài II:**

**A. Bác Lăng vương lại hỏi:**

**Phiên âm:**

Bé mục bất kiến sắc  
Cảnh lự nãi tiện đa  
Sắc cánh bất quán tâm  
Cảnh tùng hà xứ phát ?

**Tạm dịch:**

*Nhắm mắt chẳng thấy sắc  
Vậ mà cảnh lự lại rất nhiều  
Nếu sắc chẳng liên quan đến tâm  
Cảnh do đâu mà phát ?*

**B. Dung Thiên sư đáp:**

**Phiên âm:**

Bé mục bất kiến sắc

Nội tâm động lự đa  
Huyễn thức giả thành dụng  
Khởi danh chung bất quá  
Tri sắc bất quan tâm  
Tâm diệt bất quan nhân  
Tùy hành hữu tương chuyên  
Điều khứ không trung chân.

**Tạm dịch:**

*Nhắm mắt không thấy sắc  
Ngưng nội tâm động lự rất nhiều  
Huyễn thức cản trở thành chỗ dụng  
Thì danh khởi lên kia rớt lại chẳng làm  
Biết sắc không liên quan đến tâm  
Tâm cũng không liên quan đến người  
Tùy theo chư hành mà chuyển động  
Chim bay rồi hư không mới là Phật.*

**Bài III**

**Bác Lăng Vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Cảnh phát vô xứ sở  
Duyên giác liễu tri sanh  
Cảnh tạ giác hoàng chuyển  
Giác não tâm duệ tâm  
Hoàn vi giác sở giác  
Tùng chi tùy tùy khứ  
Bất ly sanh diệt tế.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Cảnh phát không nơi chốn  
Nhân cảm giác mà hiểu biết sanh  
Cảnh tàn giác còn chuyển*



*Nếu lấy tâm giữ tâm  
Là vẫn bị cảm giác giác  
Theo nó đi khắp nơi  
Không rời bờ sanh diệt.*

## **B. Dung Thiên sư đáp**

### **Phiên âm:**

Sắc tâm tiền hậu trung  
Thật vô duyên khởi cảnh  
Nhất niệm tự ngưng vọng  
Thùy năng kế động tĩnh  
Thử tri tự vô tri  
Tri tri duyên bất hội  
Đương tự kiểm bản hình  
Hà tu cầu vực ngoại  
Tiền cảnh bất biến tạ  
Hậu niệm bất lai kim  
Cầu nguyệt chấp huyền ảnh  
Thảo tích trực phi cầm  
Dục tri tâm bản tánh  
Hoàn như thị mộng lý  
Thí chi lục nguyệt băng  
Xứ xứ giai tương tự  
Tị không chung bất thoát  
Cầu không phục bất thành  
Tá vấn kính trung tượng  
Tâm tòng hà xứ sanh ?

### **Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Sắc tâm trước sau giữa  
Thật không có cảnh do duyên khởi  
Một niệm tự ngừng quên*

*Ai hay tính toán chuyện động tịnh  
Biết đở tự như không biết  
Biết biết duyên chẳng hợp  
Nên tự kiểm lại bản hình  
Cần gì tìm chốn bên ngoài  
Cảnh trước không tàn biến  
Niệm sau chẳng hiện ra  
Tìm trăng làm chấp bóng  
Tìm dấu lại đuổi theo chim bay  
Muốn biết bản tánh của tâm  
Chẳng khác nào như nhìn ảnh trong mộng  
Khó gặp như băng rơi tháng sáu  
Chốn chốn đều như thế  
Trốn không rớt lại chẳng thoát  
Mà cầu không lại cũng chẳng thành  
Xin hỏi ảnh trong gương kia  
Tâm từ nơi nào sanh ?*

#### **Bài IV**

##### **A. Bác Lãng Vương hỏi:**

###### **Phiên âm:**

Kháp kháp dụng tâm thời  
Nhược vi an ổn hảo ?

###### **Tạm dịch:**

Lúc nào cũng dụng tâm  
Sao bằng an ổn được ?

##### **B. Dung Thiên sư đáp:**

###### **Phiên âm:**

Kháp kháp dụng tâm thời  
Kháp kháp vô tâm dụng  
Khúc đàm danh tướng lao

Trực thuyết vô phồn trọng  
Tâm vô kháp kháp dụng  
Thường dụng kháp kháp vô  
Kim thuyết vô tâm xứ  
Bất dữ hữu tâm thù

**Tạm dịch:**

*Lúc đều đặn dụng tâm  
Là lúc không tâm dụng  
Bàn quanh danh tướng lao nhọc  
Nói thẳng không phiền phức  
Không có tâm dùng đều đặn  
Thường dùng để như không  
Nay nói tới không tâm  
Chẳng cùng có tâm khác.*

**Bài V:**

**A. Bác Lãng Vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Trí giả dẫn diệu ngôn  
Dữ tâm tương hội dương  
Ngôn dữ tâm lộ biệt  
Hiệp tắc vạn hội quai.

**Tạm dịch:**

*Người trí dẫn lời diệu  
Cùng với tâm phù hợp nhau  
Lời lẽ cùng tâm nguyên khác nẻo  
Hiệp lại càng trở vướng vô cùng.*

**B. Dung Thiền sư đáp:**

**Phiên âm:**

Phương tiện thuyết diệu ngôn  
Phá bịnh Đại thừa đạo

Phi quan bản tánh đàm  
Hoàn tòng không hóa đạo  
Vô niệm vị chân thường  
Chung đương tuyệt tâm lộ  
Ly niệm tính bất động  
Sinh diệt vô quai ngộ  
Cốc hưởng ký hữu thanh  
Kính tượng năng quynh cố.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Tạm dùng phương tiện nói lời nhiệm mầu  
Đạo Đại thừa phá bệnh  
Chẳng quan hệ chi đến chuyện bàn bản tánh  
Vì vẫn theo không mà hóa tạo ra  
Vô niệm chính là chân thường  
Rốt lại phải nên tuyệt đường tâm  
Lìa niệm chân tánh chẳng động  
Mà sanh diệt cũng chẳng trái làm vương mắc  
Tiếng dội trong động nếu đã có âm thanh  
Thì ảnh trong gương có thể ngó ngoáy lại.*

**Bài VI:**

**A. Bác Lăng Vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Hành giả thể cảnh hữu  
Nhân giác tri cảnh vong  
Tiền giác cập hậu giác  
Tính cảnh hữu tam tâm.

**Tạm dịch:**

*Hành giả thể nhận có cảnh  
Nhân giác biết cảnh không  
Giác trước cùng giác sau*

*Kể cả cảnh nữa là ba tâm ?*

**B. Dung Thiền sư đáp:**

**Phiên âm:**

Cảnh dụng phi thể giác  
Giác bãi bất ứng tư  
Nhân giác tri cảnh vong  
Giác thời cảnh bất khởi  
Tiền giác cập hậu giác  
Tính cảnh hữu tam trì.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Cảnh dụng không phải thể giác  
Giác xong chẳng cầu suy nghĩ  
Nhân giác mới biết cảnh mất  
Khi giác cảnh không thể khởi  
Giác trước và giác sau  
Kể cả cảnh là ba điều trì trệ.*

**Bài VII:**

**A. Bác Lãng vương lại hỏi:**

**Phiên âm:**

Trụ định câu bất chuyển  
Tương vi chính Tam-muội  
Chư nghiệp bất năng khiên  
Bất tri tế vô minh  
Từ từ nhiếp kỳ hậu.

**Tạm dịch:**

*Trụ định đều không chuyển dời  
Đó là chính Tam-muội  
Chư nghiệp không sai khiến  
Không biết tế vô minh  
Từ từ bước nhẹ sau nó.*

## **B. Dung Thiên sư đáp:**

### **Phiên âm:**

Phục văn biệt hữu nhân  
Hư chấp khởi tâm lượng  
Tâm trung sự bất thành  
Bất chuyển hoàn hư vọng  
Tam vi chính thụ phược  
Tam vi chính thụ phược  
Vi chi tịnh nghiệp chướng  
Tâm trần vạn phân nhất  
Bất liễu thuyết vô minh  
Tế tế tập nhân khởi  
Phong lai ba lãng chuyển  
Dục tịnh thủy hoàn bình  
Cánh dục tiền đồ thuyết  
Khủng úy hậu tâm kinh  
Vô niệm đại thú hồng  
Tánh không hạ sương bảo  
Tình tán uế thảo suy (thôi)  
Tung hoành phi điều lạc  
Ngũ đạo định phân luân  
Tứ ma bất tiền khước  
Ký như mãnh hỏa liệu  
Hoàn như lợi kiến xác.

### **Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Lại nghe nói có người nói  
Hư chấp khởi tâm suy lường  
Nhiều người thì chuyện không thành được  
Không chuyển mà rồi cũng thành hư vọng  
Tâm bị chính thọ uẩn trôi*

*Nếu tịnh được nghiệp chướng  
Trong vạn phần có một tâm trần kia  
Không hiểu về vô minh  
Chút Danh tướng sanh ra từ từ  
Gió thổi đến sóng mới chuyển động  
Muốn tịnh thủy lại bình lặng như trước  
Càng muốn nói về tiền đồ  
Mãi lo sợ hậu tâm kinh hoàng  
Không niệm thú lớn rồng (sư tử)  
Tánh không sương bảo rơi  
Tình tán cỏ bản nhơ  
Tung hoành chim bay rơi  
Ngũ đạo bịnh rồi rắm bùn nhùn  
Bốn ma chẳng từ bỏ  
Đã như lửa cháy dữ.*

### **Bài VIII:**

#### **A. Bác Lăng vương hỏi:**

##### **Phiên âm:**

Lại giác tri vạn pháp  
Vạn pháp bản lai nhiên  
Nhược giả chiếu dụng tâm  
Chỉ đắc chiếu dụng tâm  
Bất ưng tâm lý sự.

##### **Tạm dịch:**

Nhờ giác mà biết vạn pháp  
Vạn pháp vốn như nhiên  
Nếu phải chiếu dụng tâm  
Chỉ cần chuyện trong tâm  
Chẳng còn biết lý sự ?

#### **B. Dung Thiên sư đáp:**

**Phiên âm:**

Lại giác tri vạn pháp  
Vạn pháp chung vô lại  
Nhược giả chiếu dụng tâm  
Ứng bất tại tâm ngoại.

**Tạm dịch:**

*Nhờ giác biết vạn pháp  
Vạn pháp rốt lại chẳng nhờ gì cả  
Nếu cần chiếu dụng tâm  
Chẳng cần tìm ngoài tâm.*

**Bài IX:****A. Bác Lăng Vương hỏi:****Phiên âm:**

Tùy tùy vô giản trạch  
Minh tâm bất hiện tiền  
Phục lực tâm ám muội  
Tại tâm dụng công hành  
Tri chướng phục nan trừ.

**Tạm dịch:**

*Bùn nhìn chẳng dễ chọn lựa  
Minh tâm chẳng hiện ra  
Lại lo tâm u tối  
Dụng công lực hành tại tâm  
Biết chướng mà rất khó trừ.*

**B. Dung Thiền sư đáp:****Phiên âm:**

Hữu thử bất khả hữu  
Tâm thử bất khả tâm  
Vô giản tức chân trạch  
Đắc ám xuất minh tâm



Lự giả tâm minh muội  
Tồn tâm thác công hành  
Hà luận trí chướng nan  
Chí Phật phương vi bịnh.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Có đó chẳng thể có đó  
Tìm đó chẳng thể tìm  
Không lựa chọn mới là sự lựa chọn chân xác  
Có u tối mới xuất lộ minh tâm  
Kẻ lo lắng lòng u tối  
Tồn tâm lại giả thác công hành  
Sao lại luận trí chướng khó  
Kẻ tự cho là Phật mới là người sai quấy.*

**Bài X:**

**A. Bác Lãng Vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Chiết trung tiêu tức gian  
Thật diệt nan an thiếp  
Tự phí dụng hành nhân  
Thử nan chung nan kiến.

**Tạm dịch:**

*Xu xếp cho yên ổn  
Thật không dễ an định thỏa thiếp  
Ngoại trừ dụng hành nhân  
Chuyện đó kết cuộc khó thấy ra.*

**B. Dung Thiên sư đáp:**

**Phiên âm:**

Chiết trung dục tiêu tức  
Tiêu tức phi nan dị  
Tiên quan tâm xử tâm

Thứ suy trí trung trí  
Đệ tam chiếu suy giả  
Đệ tứ thông vô ký  
Đệ ngũ giải thoát danh  
Đệ lục đẳng chân ngụy  
Đệ thất tri pháp bản  
Đệ bát từ vô vi  
Đệ cửu biến không âm  
Đệ thập vân vũ bị  
Tối tận bỉ vô giác  
Vô minh sanh bốn trí  
Kính tượng hiện tam nghiệp  
Huyền nhân hóa tứ cù  
Bất trụ không biên tận  
Đương chiếu hữu trung vô  
Bất xuất không hữu nội  
Vị tương không hữu cụ  
Hiệu chi danh chiết trung  
Chiết trung phi ngô thuyết  
An thiệp vỡ xứ an  
Dụng hành hà năng quyết!

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Xu xếp muốn yên dưng  
Yên dưng không có khó dễ  
Trước hết quan sát chỗ tâm trụ  
Kế đó suy tư trí trong trí  
Thứ ba là chiếu suy  
Thứ tư thông vô ký  
Thứ năm giải thoát khỏi danh xưng  
Thứ sáu coi chân ngụy như nhau*

*Thứ bảy biết gốc pháp  
Thứ tám từ vô vi  
Thứ chín khắp chốn chẳng có gì  
Thứ mười mây mưa che  
Sau chót là vô giác kia cùng  
Vô minh sanh bốn trí  
Ảnh trong gương hiện tam nghiệp  
Người huyễn ảo hoằng hóa ngã tư đường cái  
Không trụ không biên tận  
Nên quán chiếu có, không và khoảng giữa  
Không ngoài chỗ có và không  
Cũng đừng cho không và có đủ cả  
Thì gọi là xu xếp  
Xu xếp không thể nói bàn được  
An thiệp không có chẽ nào an  
Dụng lực hành làm sao giải quyết được ?*

## **Bài XI:**

### **A. Bác Lãng vương hỏi:**

#### **Phiên âm:**

Biệt hữu nhất chủng nhân  
Thiện giải không vô tướng  
Khẩu ngôn định loạn nhất  
Phục đạo hữu trung vô  
Đồng chứng dụng thường tịch  
Tri giác tịch thường dụng  
Dụng tâm hội chân lý  
Hậu ngôn dụng vô dụng  
Trí tuệ phương tiện đa  
Ngôn từ dữ lý hiệp  
Như như lý tự như

Bất do thức tâm hội  
Ký tri tâm hội phi  
Tâm tâm phục tương miễn  
Nhu thị nan tri pháp  
Vĩnh kiếp bất năng tri  
Đồng thử dụng tâm nhân  
Pháp sở bất năng hóa.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Lại có riêng một loại người  
Giải lý giỏi Không, Vô tướng  
Miệng nói định loạn chỉ là một  
Lại nói không có và khoảng giữa  
Cùng một thể dụng là thường tịch  
Biết giác tịch thường dụng  
Dụng tâm hiểu chân lý  
Sau đó lại nói dụng và vô dụng  
Trí tuệ phương tiện nhiều  
Lời lẽ cùng lý hiệp  
Như như lý của nó là tự như  
Không phải do cái “Tâm hiểu biết” hiểu được  
Đã biết tâm hiểu biết là không có  
Tâm tâm lộn xộn nhau  
Như vậy khó biết pháp  
Mãi mãi không thể biết  
Cùng với người dụng tâm  
Pháp vốn không thể hóa.*

**B. Dung Thiền sư đáp:**

**Phiên âm:**

Biệt hữu chứng không giả  
Hoàn như tiền kệ luận

Hành không hữu tịch diệt  
Thức kiến tạm thời phiên  
Hội chân thị tâm lượng  
Chung tri vị liễu nguyên  
Hựu thuyết tức tâm dụng  
Đa trí nghi tương tự  
Lương do tính bất minh  
Cầu không thả lao kỹ  
Vĩnh kiếp trụ u thức  
Bảo tướng đô bất tri  
Phóng quang tiện động địa  
Ư bỉ dục hà vi.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Chẳng khi nào có kẻ chứng không  
Vẫn như luận cứ bài kệ trước  
Lực hành lý không thì chỉ bị rơi vào tịch diệt  
Thức và kiến tạm thời nghiêng đảo  
Hiểu lý chân là tâm suy lường  
Rốt lại biết chính là không hiểu rành nguồn  
Lại nói về phần dụng của ngưng tâm  
Kẻ đa trí cũng bị nghi tương tự  
Nguyên do là không rõ tánh  
Cầu không càng nhọc tự mình  
Mãi mãi trụ tại thức tối om  
Ôm tướng toàn chẳng hiểu biết gì  
Phóng quang đất liền rung động  
U tối thế để mà chi.*

**Bài XII:**

**A. Bác Lăng vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Tiền kiện khán tâm giả  
Hậu hữu la xác nan

**Tạm dịch:**

*Kẻ khán tâm trước kia  
Về sau khó gỡ vỡ xác.*

**B. Dung Thiền sư đáp:**

**Phiên âm:**

Khán tâm hữu la xác  
Huyền tâm hà đãi khán  
Huống vô huyền tâm giả  
Thung dung hạ khẩu nan.

**Tạm dịch:**

*Khán tâm nhọc xác lắm  
Tâm huyền ảo cần gì đợi khán  
Huống kẻ không có huyền tâm  
Thung dung khó hạ khẩu.*

**Bài XIII:**

**A. Bác Lãng Vương hỏi:**

**Phiên âm:**

Cửu hữu đại cơ nghiệp  
Tâm lộ sai hồ gian  
Đắc giác vi tế chương  
Tức đạt ư chân tế  
Tự phi thiện xảo sư  
Vô năng quyết thử lý  
Ngưỡng vi ngã đại sư  
Dương vi khai yếu môn  
Dẫn đạo dụng tâm giả  
Bất linh thất chánh đạo ?

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Từ lâu có đại cơ nghiệp  
Đường tâm sai trật rồi  
Giác được chướng nhỏ noi  
Là đã đạt được bờ mé chân  
Nếu chẳng phải là thầy giỏi  
Không có cách nào quyết được lý này  
Cúi mong đại sư của chúng con  
Khai mở giùm yếu môn  
Dụng tâm như thế nào  
Để khỏi mất chánh đạo ?*

**B. Dung Thiên sư đáp:**

**Phiên âm:**

Pháp tánh bản cơ nghiệp  
Mộng cảnh thành sai hổ  
Thật tướng vi tế thân  
Sắc tâm thường bất ngộ  
Hốt phùng hỗn độn sĩ  
Ai oán mẫn quần sinh  
Thác nghi quảng thiết vấn  
Bảo lý nội dương minh  
Sanh tử u kinh triệt  
Ủy dự tâm bất kinh  
Dã lão hiền phân đáp  
Pháp tướng quý lai nghi  
Mong phát quần sinh nghiệp  
Hoàn như sắc tánh vi.

**Tạm dịch ra văn xuôi:**

*Pháp tánh vốn là cơ nghiệp  
Mộng cảnh thành sai trật  
Thật tướng thân nhỏ noi*

*Sắc tâm thường chẳng ngộ  
Bông gặp hỗn độn sĩ  
Đau buồn thương xót quần sanh  
Giả nghi để rộng hỏi  
Bảo lý kia thường sáng  
Sanh tử đường tối đẹp bỏ  
Chê khen lòng không kinh sợ  
Lão quê ta đà phân minh đáp nào  
Pháp tướng thẹn lai nghi  
Mong phát quần sanh nghiệp  
Vẫn như sắc tánh mà.*

Năm Hiên Khánh nguyên niên, quan huyện lệnh Tiêu Nguyên Thiện thỉnh sư rời núi đến trụ trì chùa Kiến Sơ. Sư từ chối không được, bèn gọi đệ tử ruột đứng hàng đầu là Trí Nham trao cho pháp ấn, dặn tiếp nối truyền thụ. Khi sắp xuống núi, sư nói với đồ chúng rằng: “Ta không trở bước về núi này nữa”. Lúc bấy giờ chim chóc, muông thú kêu gào thảm thiết cả thảng trời không dứt. Trước am có bốn cây ngô đồng, đang giữa mùa hạ bỗng tự tàn úa. Qua năm sau, nhằm năm nhuận Đinh Ty, ngày 23 tháng giêng, sư viên tịch tại chùa Kiến Sơ, thọ 64 tuổi, tuổi lập là 41.

Ngày 27 chôn ở núi Kê Lung, có cả muôn người đi đưa. Chỗ ở cũ của sư là núi Ngưu Đầu, nguồn Kim, suối Hồ Bào, suối Tích Trượng, ao Kim Qui, thạch thất nơi sư ngồi im, nay đều còn cả.

*(Chú: Còn Bác Lãng Vương thì trong phần vấn đáp ở quyển 4 sách Cảnh Đức Truyền Đăng Lục nêu trên không có ghi rõ là ai, Bác Lãng nguyên là tên một huyện, có lúc là quận ở đời Hậu Hán, về sau bị bãi bỏ - thành xưa tại huyện Lễ, tỉnh Trực Lệ trước kia, ngày nay là tỉnh Hà Bắc. Đời Tấn, Bác Lãng trở thành một nước phụ dung (nhỏ hơn chư hầu) có phiên vương được Hoàng đế sắc phong trị vì, nay là Thâm huyện. Đời Tùy, Đường, Bác Lãng là một quận, tức Định quận ngày nay).*

## **PHẦN PHỤ LỤC:**



(Tăng) Hỏi:

- Cái gọi là Thánh nhân, nên đoạn trừ pháp nào, đặc pháp nào, sau đó mới đáng gọi là Thánh nhân ?

Thiền sư Pháp Dung đáp:

- Chẳng pháp nào cần đoạn trừ, chẳng pháp nào cần đặc, đó mới gọi là Thánh nhân đây !

- Tâm phạm Thánh giống nhau hay là khác ?

Sư nói:

Có khác nhau chứ. Là vì sao ? Vì nhất thiết phạm phu đều có chỗ đoạn trừ, đồng thời có nỗi lo nghĩ hư vọng về chuyện đặc pháp. Chân tâm Thánh nhân (Phật) thì không có gì để đoạn trừ, và cũng không có gì để đặc, nhân đó mà có sự khác biệt.

(Theo **TỔ ĐƯỜNG TẬP** quyển 1)

## **ĐỜI THỨ HAI SAU TỨ TỔ THIỀN SƯ TRÍ NHAM PHÁP TỰ CỦA THIỀN SƯ PHÁP DUNG**

Thiền sư Trí Nham, núi Ngưu Đầu, người Khúc A, họ Hoa. Lúc tuổi thiếu niên trí dũng hơn người, thân cao 7 thước ta. Thời Tùy, niên hiệu Đại Nghiệp làm Lang tướng. Ngài thường treo túi đựng nước trên đầu cây cung, đi đến đâu mức ra mà dùng.

Nhiều lần theo Đại tướng quân chinh chiến và lập lắm chiến công. Niên hiệu Võ Đức, đời Đường, sư 40 tuổi thì xin xuất gia. Ngài vào núi Hoàn Công ở Thục Châu, làm đệ tử thiền sư Bửu Nguyệt.

Lần nọ, đang an tọa bỗng trông thấy một ông tăng Ấn Độ thân cao hơn trượng, thần thái sáng bạt, khí chất lời lẽ thanh lãng, nói với Sư:

- Ông xuất gia đã 80 đời phải nên tinh tấn.

Nói xong thì biến mất.

Có lần sư ngồi trong hang động nhập định, luồng nước trong núi dâng tràn đến cuộn cuộn, sư vẫn ngồi yên bất động, sau đó tự rút đi.

Có người thợ săn thú gặp sư, sau đó đổi nghề tu thiền.

Lại có hai người bạn xưa trong quân ngũ, nghe sư ẩn dật, bèn cùng nhau vào núi tìm kiếm. Lúc gặp được rồi bèn nói:

- Lang tướng có điên không, sao lại ở chỗ này.

Sư đáp:

- Ta điên sắp tỉnh, còn các ông thì đang phát điên đấy. Ôi mê đắm thanh sắc, tham vinh hám sủng, phải nổi trôi trong sanh tử, sao còn không thoát ra đi ?

Hai người hiểu ra, thở dài mà ra về.

Sư năm Trinh Quán thứ 17 trở về Kiến Nghiệp vào núi Ngưu Đầu yết kiến thiền sư Pháp Dung, phát minh đại sự. Thiền sư Dung nói với Sư:

- Ta thọ yếu quyết chân pháp của đại sư Tín, sở đắc đều quên hết, duy có một pháp vượt hơn Niết-bàn, lời ta nói cũng như mộng huyễn. Ôi ! một hạt bụi bay mà che cả trời, một hạt cải rơi lấp cả đất. Ông nay đã vượt quá cái thấy biết này rồi, ta còn nói gì nữa ? Hóa đạo tại sơn môn, nay trao lại cho ông.

Sư vâng dạ, nối tiếp làm đời thứ hai phái Ngưu Đầu. Sau đó đem Chánh pháp truyền cho thiền sư Phương, trụ trì tại hai chi chùa là Bạch Mã, Thê Huyền. Sau đó chuyển đến thành Thạch Đầu. Niên hiệu Nghi Phụng năm thứ 2, ngày 10 tháng giêng thì tịch diệt, dung sắc không thay đổi, thân mềm như lúc sống. Trong thất xông hương lạ, suốt 10 ngày không dứt. Theo di ngôn, các môn đồ làm lễ thủy táng, thọ 78 tuổi, tuổi lap 39.

## **ĐỜI THỨ BA NÚI NGƯU ĐẦU THIÊN SƯ TUỆ PHƯƠNG**

Sư người Diên Lăng, Nhuận Châu, họ Bộc, vào chùa Khai Thiện xuất gia. Đến khi thọ giới cụ túc thì đã thông thạo kinh luận, về sau sư vào núi Ngưu Đầu tham yết thiền sư Trí Nham, hỏi han bí yếu. Nham trông thấy sư có căn khí kham nhiệm Chánh pháp, bèn khai thị tâm ấn. Sư hoát nhiên lãnh ngộ, không ra khỏi núi rừng hơn 10 năm, bốn phương học giả kéo tới như mây giăng, sư ngày kia, bảo chúng rằng:

- Ta muốn đi các nơi, tùy cơ lợi vật, các ông nên tự an vậy.

Bèn đem chánh pháp giao lại cho Pháp Trì rồi quay về Mao sơn. Được vài năm, lúc sắp thị diệt, thấy có khoảng 500 người, tóc búi thông phía sau, hình dáng như Bồ-tát, đều cầm phướn hoa nói rằng thỉnh pháp sư giảng pháp. Lại cảm đến thần núi hiện thân măng xà to đến sân như sắp khóc biệt. Sư nói với thị giả Hồng Đạo rằng:

- Ta đi đây ! Ông hãy báo với các môn nhân.

Kịp khi các môn nhân chạy tới thì Sư đã nhập diệt. Lúc đó là niên hiệu Đường Thiên Sách năm đầu, nhằm ngày mùng 1 tháng 8. Núi rừng biến sắc trắng, khe suối ngưng chảy bảy ngày. Tăng tục thương luyến gào khóc động cả hang núi. Sư thọ 67 tuổi, tuổi lập 40.

## **ĐỜI THỨ TƯ NÚI NGƯU ĐẦU THIÊN SƯ PHÁP TRÌ**

Sư người Giang Ninh Nhuận Châu, họ Trương, xuất gia lúc tuổi còn thơ. Năm 30 tuổi, sư du phương đến hội hạ Hoàng Mai của đại sư Hoàng Nhẫn, nghe pháp tâm khai. Sau gặp được Thiền sư Tuệ Phương ấn khả cho, bèn nối dấu sơn môn, làm Tông Tổ Ngưu Đầu. Kịp khi Hoàng Mai sắp thị diệt, Tổ nói với đệ tử là Huyền Trách rằng: ‘Truyền lại pháp ta mai hậu có 10 người, Pháp Trì ở Kim Lăng là một vậy’. Sau sư đem Chánh pháp truyền lại cho Trí Oai, đến ngày mùng 5 tháng 2

niên hiệu Đường Trường An thị tịch tại viện Vô Thường, chùa Diên Tô Kim Lăng, trời trần lại hãy bỏ thân dưới gốc tòng cho chim ăn. Ngày đem thân ra ngoài có phước thần từ hương Tây lại bay quanh núi mây vòng. Viện cũ nơi sư ở, rừng trúc biến màu trắng, bảy ngày mới thôi. Sư thọ 68 tuổi, lập 41.

## **ĐỜI THỨ NĂM NÚI NGƯU ĐÀU THIÊN SƯ TRÍ OAI PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ TRÌ**

Ngưu Đầu Sơn, thiền sư Trí Oai, người Giang Ninh, họ Trần trụ núi Nghinh Thanh. Thuở nhỏ, lúc tóc còn rẽ trái đào, bỗng một hôm trong nhà thấy mất sư, chẳng biết đi đâu. Khi cha mẹ đi tìm kiếm mới biết đã nương theo pháp sư Thống chùa Thiên Bảo mà xuất gia. Năm 20 tuổi, sau khi thọ giới cụ túc xong, nghe thiền sư Pháp Trì truyền đạo pháp (xuất thế) bèn tới tham yết.

Sau khi đắc pháp, học trò từ Giang Tả (Giang Đông) đều đến học dưới cửa. Trong số có Tuệ Trung đáng coi là bậc pháp khí. Sư từng đọc kệ:

### **Phiên âm:**

(...) mặc hệ niệm (...)  
Niệm thành sanh tử hà  
Luân hồi lục thứ hải  
Vô kiến xuất trường ba.

### **Tạm dịch:**

... chẳng hệ niệm ...  
Niệm thành sông sanh tử  
Biển luân hồi sáu nẻo  
Chẳng thấy thoát sóng dữ.

Tuệ Trung đáp:

**Phiên âm:**

Niệm tưởng do lai huyễn  
Tánh tự vô chung thỉ  
Nhược đắc thử trung ý  
Trường ba đương tự chỉ.

**Tạm dịch:**

*Niệm tưởng đều là huyễn  
Tự tánh chẳng hậu tiên  
Nếu được ý trong đó  
Sóng to tự lặng yên.*

Sư lại nói kệ:

**Phiên âm:**

Dư bản tánh hư vô  
Duyên vọng sanh nhân ngã  
Nhu hà tức vọng tình  
Hoàn quy không xứ tọa.

**Tạm dịch:**

*Ta bản tánh hư vô  
Sanh ta người do vọng  
Sao ngăn được vọng tình  
Về ngôi yên chỗ không.*

Tuệ Trung đáp:

**Phiên âm:**

Hư vô thị thực thể  
Nhân ngã hà sở tồn  
Vọng tình bất tu tức  
Tức phiếm Bát nhã thuyên.

**Tạm dịch:**

*Hư vô là thực thể*

*Ta người chỗ nào cà ?  
Vọng tình chẳng nên dứt  
Là bơi thuyền Bát-nhã.*

Sư nghe biết người đã tỏ ngộ, bèn giao công việc Thiền Viện. Sư tùy duyên hóa độ. Vào ngày 18 tháng 2 năm Đường Khai Nguyên qua đời tại chùa Diên Tộ. Lúc sắp thị diệt, bảo cùng đệ tử rằng:

- Hãy đem xác ta bỏ vào rừng thí cho chim muông.

Sư thọ 77 tuổi.

## **ĐỜI THỨ SÁU NÚI NGƯU ĐẦU THIÊN SƯ TUỆ TRUNG PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ OAI**

Ngưu Đầu Sơn, Thiên sư Tuệ Trung, người Thượng Nguyên Nhuận Châu. Họ Vương. Năm 23 tuổi học đạo tại chùa Trang Nghiêm. Nghe Thiên sư Oai hiện thế, bèn tìm đến ra mắt. Oai vừa trông thấy nói:

- Sơn chủ đến rồi !

Sư cảm ngộ ý chỉ vi diệu, bèn hầu hạ bên mình.

Sau đó từ tạ, Sư đi đến các nơi hành lễ. Tại Cụ Giới viện, thiên sư Oai thấy dây lăng tiêu gặp mùa hè bị khô héo, mọi người muốn cắt bỏ, thiên sư nói với họ:

- Đừng cắt, khi Tuệ Trung quay về nó sẽ sống lại thôi.

Khi sư trở về thì đúng như lời Oai nói.

Sau khi phó chúc việc Tông môn xong, Oai ra ở chùa Diên Tộ.

Bình sinh sư chỉ có một tấm y không thay đổi, đồ dùng chỉ một cái nồi có chân. Có người cúng dường hai lăm lương thực, trộm đến rình thì thấy cọp ngồi giữ.

Quan huyện lệnh Trương Tồn đến đỉnh núi gặp sư, hỏi:

- Sư có bao nhiêu đồ đệ ?

Sư đáp:

- Có năm ba người thôi.

Tôn hỏi:

- Làm sao thấy được ?

Sư gõ vào giường Thiên, tức thì ba con hổ gầm thét đi ra. Tôn kinh hãi lui ra.

Sau đó, tín đồ thỉnh sư vào thành, trụ trì chùa cũ Trang Nghiêm. Sư muốn lập một pháp đường bên phía đông điện. Nơi ấy, từ trước có sẵn cổ thụ trên có bầy thước làm tổ. Công nhân sắp sửa chặt bỏ, sư bảo bầy thước:

- Chỗ này lập pháp đường, bọn người sao không mau sang nơi khác đi.

Dứt lời, bầy thước tha tổ sang cây khác.

Lúc mới làm nền, có hai thần nhân định 4 góc, lại ngầm mượn nhân công ma, làm đêm không mấy ngày thì xong tất.

Tín đồ các nơi đến thọ học rất đông, đặc pháp có đến 34 người, mỗi người trụ một nơi, tiếp nối chuyên hóa biết bao người. Sư có bài kệ an tâm như sau:

**Phiên âm:**

Nhân pháp song tịnh

Thiện ác lưỡng vong

Chân tâm chân thực

Bồ-đề đạo tràng.

**Tạm dịch:**

*Người pháp đều tịnh*

*Thiện ác đều mất*

*Chân tâm chân thực*

*Bồ-đề đạo tràng.*

Niên hiệu Đại Lịch năm thứ 3, trước thạch thất cảnh cây móc nôi, dây leo máng y của sư bỗng gặp mùa hè nắng gắt khô héo chết. Ngày 15

tháng 6 năm thứ tư, sư tập hợp môn đồ làm lễ bố-tát (sám hối) xong bảo thị giả gội đầu tắm rửa cho, đến đêm có mây lành phủ khắp tịnh xá, trên không nghe vang tiếng nhạc trời. Đến sáng sớm hôm sau, sư an nhiên thị tịch. Lúc ấy mưa gió bỗng nổi lên dữ dội, sấm bô xuống gãy rùng cây, lại có một cầu vồng trắng giăng ngang núi. Mùa xuân năm thứ 5, đồ chúng làm lễ trà tì, thu được rất nhiều xá-lợi. Sư thọ 87 tuổi.

### **CHUNG SON THIÊN SƯ ĐÀM THÔI**

Kim Lăng, Chung sơn, thiên sư Đàm Thôi người Ngô Quận, họ Cố. Lúc mới gặp thiên sư Pháp Dung, Dung nhìn lấy làm lạ, bèn nói với Sư:

- Sắc thanh là loài rượu độc của vô sinh, tư tưởng cảm thọ lại là hồ ngậm chôn chết kẻ chí nhân. Ông có biết không ?

Sư yên lặng mà thâm xét thấu ngộ ngay huyền chỉ. Sau về ở ẩn tại núi Chung Sơn, trải nhiều năm nướng nấu dưới am tranh cho đến cuối đời. Đời Đường, niên hiệu Thiên Thọ năm thứ 3, ngày mùng 6 tháng 2, an nhiên nhập định, 7 ngày sau thì mất.

### **AN QUỐC THIÊN SƯ HUYỀN ĐỈNH**

Thiên sư Huyền Đỉnh, chùa An Quốc Tuyên Châu, không biết người nơi nào. Có ông tăng ở Trường An chuyên giảng kinh Hoa Nghiêm hỏi:

- Chân tánh duyên khởi, nghĩa ấy thế nào ?

Oai lặng yên hồi lâu, sư đang đứng hầu liền tiếp lời:

- Đại đức ngay lúc khởi niệm khi hỏi thì đây là duyên khởi trong chân tánh.



Tăng ấy nghe xong tức thì đại ngộ.

\*\*\*

Có người hỏi:

- Nam tông từ đâu mà xác lập ?

Đáp:

- Tâm tông không Nam Bắc.

## HẠC LÂM - THIÊN SƯ HUYỀN TỐ

Hạc Lâm - Thiên sư Huyền Tố ở Nhuận Châu, người Diên Lăng, họ Mã. Vào khoảng niên hiệu Đường Như Ý, sư đến thị nghiệp tại chùa Trường Thọ ở Giang Ninh, sau đến tham vấn Thiên sư Trí Oai liên ngộ chân tông. Sau Sư trụ chùa Hạc Lâm Kinh Khẩu.

Ngày nọ có người đồ tể đến lễ sư, cung thỉnh sư đến nhà cúng dường. Sư vui vẻ ra đi, chúng đều lấy làm lạ.

Sư nói:

- Phật tánh bình đẳng, hiền ngu nhất trí. Hễ có thể độ được người là ta cứ độ, nào có sai khác gì đâu ?

Tăng hỏi:

- Chỉ ý Tổ Đạt Ma từ Tây lại thế nào ?

Sư đáp:

- Hiểu tức chẳng hiểu, nghi tức chẳng nghi.

Sư lại nói:

- Chẳng hiểu là chẳng nghi, chẳng nghi là chẳng hiểu vậy.

\*\*\*

Có ông tăng gõ cửa. Sư hỏi:

- Ai đó ?

Đáp:

- Là tăng.

Sư nói:

- Đừng nói là tăng, Phật đến cũng chẳng tiếp.

Hỏi:

- Tại sao không tiếp ?

Đáp:

- Không phải chỗ dừng nghỉ của ông.

Vào nửa đêm ngày 11 tháng 11, năm Thiên Bảo thứ 11, sư không bệnh mà qua đời, thọ 85 tuổi, xây tháp ở núi Hoàng Hạc, sắc thụy Đại Luật (Bản Tống, Nguyên chép Đại Tân), tháp Đại Hòa Bảo Hàng.

## THIÊN TRỤ THIÊN SƯ SÙNG TUỆ

Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Thiên Trụ, Thư Châu, người Bành Châu, họ Trần. Thời Đường, đầu niên hiệu Càn Nguyên, sư đến Thư Châu, núi Thiên Trụ lập chùa. Năm đầu niên hiệu Vĩnh Thái được vua sắc tứ Thiên Trụ tự.

Có ông tăng hỏi:

- Cảnh Thiên Trụ thế nào ?

Sư đáp:

**Phiên âm:**

Chủ Bộ sơn cao nan kiến nhật

Ngọc Kính phong tiền dị hiểu nhân.

**Tạm dịch:**

*Núi Chủ Bộ cao khó thấy mặt trời*

*Đỉnh Ngọc Kính ánh trước dễ soi người.*

Hỏi:

- Lúc Đạt Ma chưa đến, ở đây có Phật pháp không ?

Đáp:

- Chuyện lúc Đạt Ma chưa đến hãy bỏ qua, còn chuyện hiện giờ thế nào ?

Tăng nói:

- Con đây không lãnh hội, cúi xin thầy chỉ dạy.

Sư đáp:

**Phiên âm:**

Vạn cổ trường không

Nhất triêu phong nguyệt.

**Tạm dịch:**

*Vạn cổ chẳng có chi*

*Ngày ngày trăng gió.*

Sư nín lặng hồi lâu rồi nói:

- Ông lãnh hội không ? Phần thượng sự của tự kỷ thế nào ? Tự mình thế nào không lo, ở đó hỏi tới Đạt Ma đến với chưa đến để làm gì ? Ông ta đến, cũng như thầy bói, thấy ông không biết, gieo cho vài quẻ, thế là có chuyện tốt xấu. Thầy đều do nơi bản phần ông thôi, nhất thiết hãy tự xét xem lấy mình.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người giải quẻ ?

Sư đáp:

- Ông vừa ra khỏi cửa là không đúng ngay.

Hỏi:

- Thế nào là thói nhà của Thiên Trụ ?

Sư nói:

**Phiên âm:**

Thời hữu bạch vân lai bế hộ

Cánh vô phong nguyệt tứ sơn lưu.

**Tạm dịch:**

*Thường có mây bay che trước cửa*

*Liên không trăng gió chốn non xanh.*

Hỏi:

- Thầy tăng mất, chuyên hóa đi nơi nào ?

Đáp:

**Phiên âm:**

Tiền Nhạc phong cao trường tích thúy

Thư giang minh nguyệt sắc quang huy.

**Tạm dịch:**

*Đỉnh Tiền Nhạc cao xa xanh biếc*

*Con sông Thư trắng sáng sáng soi.*

Hỏi:

- Thế nào là Phật Đại Thông Trí Thắng ?

Đáp:

- Từ xưa đến nay, chưa từng mờ khuất, không phải là Phật Đại Thông Trí Thắng thì là gì ?

Hỏi:

- Tại sao Phật pháp chẳng hiện tiền ?

Sư đáp:

- Chỉ vì ông không lãnh hội nên chẳng thấy hiện tiền. Mà cho dù ông cố lãnh hội đi nữa cũng chẳng có Phật nào để thành.

Hỏi:

- Thế nào là đạo ?

Sư đáp:

**Phiên âm:**

Bạch vân phú thanh chướng

Phong điều bộ đình hoa.

**Tạm dịch:**

*Mây trắng che núi xanh*

*Chim, ong chốn sân hoa.*

Tăng hỏi:

- Từ xưa các Thánh đã có lời gì ?

Sư đáp:

- Ông nay thấy ta có nói lời gì ?

Hỏi:

- Chuyện trong Tông môn, mong sư chỉ bày.

Sư:

**Phiên âm:**

Thạch ngu trường hồng chân không ngoại  
Mộc mã tư thời nguyệt ẩn sơn.

**Tạm dịch:**

*Bò đá kêu mãi ngoài chân không,  
Ngựa gỗ hí vang trăng khuất núi.*

Hỏi:

- Thế nào là chỗ Hòa thượng làm lợi cho người ?

Sư đáp:

**Phiên âm:**

Nhất vũ phổ thông  
Thiên sơn tú sắc.

**Tạm dịch:**

*Một cơn mưa rưới khắp  
Ngàn ngọn núi xanh tươi.*

Hỏi:

- Thế nào là người trong núi Thiên Trụ ?

Đáp:

**Phiên âm:**

Độc bộ thiên phong đỉnh  
Ưu du cử khúc tuyền.

**Tạm dịch:**

*Lẻ bước đỉnh ngàn ngọn  
Ung dung suối chín khúc.*

Hỏi:

- Thế nào là chỉ ý Tổ sư từ Tây đến ?

Đáp:

**Phiên âm:**

Bạch viên bảo tử lai thanh chướng  
Phong điệp hàm hoa lục nhị gian.

**Tạm dịch:**

*Vượn trắng ôm con về núi biếc,  
Bướm ong vờn lượn nhụy hoa ngàn.*

Sư ở núi diễn đạo trải 20 năm. Niên hiệu Đại Lịch, năm thứ 14, ngày 22 tháng 7 sư qui tịch. Tháp đặt tại phía Bắc núi, chân thân vẫn còn.

## **KÍNH SƠN - THIÊN SƯ ĐẠO KHÂM PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ HUYỀN TỐ**

Kính Sơn thiên sư Đạo Khâm ở Hàng Châu là người thuộc vùng Côn Sơn, Tô Châu, họ Châu. Lúc đầu theo Nho giáo. Năm 28 tuổi, gặp thiên sư Huyền Tố. Thiên sư nói:

- Xem thần khí ông thật tốt, đúng thực là chân pháp bảo.

Sư cảm ngộ, xin làm đệ tử.

Thiên sư Tố đích thân làm lễ thế phát, đoạn dặn dò rằng:

- Ông cứ theo dòng mà đi, gặp Kính thì ngừng.

Sư liền đi xa về phương Nam. Đến Lâm An, thấy ngọn núi phía Đông bắc liền hỏi tiểu phu. Tiểu phu đáp:

- Đây là Kính sơn.

Sư bèn dừng chân không đi nữa.

Có ông tăng hỏi:

- Thế nào là đạo ?

Sư đáp:

*Trên núi có cá chép*

*Dưới bể có cỏ bồng.*

Mã Tổ sai người gửi đến lá thư, trong thư vẽ cái vòng tròn. Sư mở thư xem, đoạn chấm một điểm vào giữa vòng tròn và dán kín gửi trả lại (Tuệ Trung Quốc Sư biết chuyện, nói: “Sư Khâm vẫn bị Mã Tổ lừa”).

Hỏi:

- Ý Tổ sư Tây lại là gì ?

Đáp:

- Ông hỏi không đúng chỗ.

Hỏi:

- Thế nào mới đúng chỗ ?

Đáp:

- Đợi sau khi diệt độ, ta sẽ nói cho nghe.

\*\*\*

Mã Tổ sai Trí Tạng đến, hỏi:

- Trong 12 thời, lấy gì làm cảnh ?

Sư đáp:

- Đợi lúc ông về sẽ có tin.

Tạng nói:

- Giờ đây đúng là lúc về đây.

Sư nói:

- Nhờ chuyển lời phải nên hỏi đạo Tào Khê.

Đời Đường, niên hiệu Đại Lịch, năm thứ 3, vua Đại Tông triệu sư vào cung, đích thân chiêm lễ.

\*\*\*

Ngày nọ, sư đang ở giữa sân thấy vua giá lâm, sư đứng lên. Đế nói:

- Sao sư lại đứng lên ?

Sư đáp:

- Đàn việt sao lại hướng về một trong bốn oai nghi thấy bản đạo được ?

Đế vừa ý, nói với Quốc sư:

- Trẫm muốn tặng Khâm sư một danh hiệu.

Quốc sư vui vẻ phụng chỉ và phong tặng sư hiệu là Quốc Nhất. Sau đó, Sư từ biệt quay trở về núi cũ.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ 8, tháng 12, Sư thọ bệnh nặng thuyết pháp mà mất. Vua thụy hiệu là Đại Giác Thiên Sư.

### **Phản phụ lục:**

Thôi Triệu Công ở Tào Khê hỏi:

- Đệ tử nay muốn xuất gia, có được không ?

Sư đáp:

- Xuất gia là chuyện của bậc đại trượng phu, không phải việc tướng văn, tướng võ làm được.

Công nghe vậy thì tỉnh ngộ.

(Theo Ngũ Đăng Hội Nguyên quyển 2)

## **THIÊN SƯ Ô KHÒA ĐẠO LÂM PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ KHÂM**

Hàng Châu, thiên sư Ô Khòa Đạo Lâm vốn người thuộc quận Phú Dương này, họ Phan. Thân mẫu họ Châu, nằm mộng thấy nuốt ánh sáng mặt trời, nhân đó có mang. Đến ngày sinh, mùi hương lạ lan khắp phòng, nên sư có tên là Hương Quang.

Lên 9 tuổi thì xuất gia, đến 21 tuổi làm lễ thọ giới cụ túc tại chùa Quả Nguyên, Kinh Châu. Sư lại đến chùa Tây Minh, Trường An, học với pháp sư Phục Lễ kinh Hoa Nghiêm, Khởi Tín luận. Lễ pháp sư chỉ cho sách Chân Vọng Tụng và khuyên nên tu tập Thiền.

Sư hỏi:

- Ban đầu phải quán thế nào ? Dụng tâm thế nào ?

Lễ lặng yên mãi không nói.



Sư hỏi ba lần xong trở lui.

Khi vua Đại Tông hạ chiếu triệu thiền sư Quốc Nhất vào triều, sư đến ra mắt và chứng được Chánh pháp. Sau đó sư trở về Nam, trụ chùa Vĩnh Phúc - Côn Sơn. Ở đây có tháp Bích Chi Phật, nhằm lúc các chúng đạo, tục đang tụ tập làm lễ pháp hội. Sư chống tích trượng đi thẳng vào.

Có pháp sư Thao Quang ở chùa Linh Ân hỏi:

- Pháp hội này sao lại có tiếng rùm beng lắm vậy ?

Sư đáp:

- Không có tiếng thì ai biết là hội.

Sau đó, thấy núi Tần Vọng có cây tùng cao lớn, cành lá rậm rạp, xòe ra như cái lọng, sư bèn leo lên ở trên ấy, nên người thời bấy giờ gọi là Ô Khòa thiền sư (thiền sư tổ quạ). Kế bên sư ở, có tổ chim Khách (Thước), thân thiết với sư nên người đời còn gọi Sư là Thiền sư Thước Sào (Thiền sư ổ chim Khách).

\*\*\*

Có thị giả tên Hội Thông, ngày nọ bỗng muốn từ giã Sư ra đi. Sư hỏi:

- Ông nay định đi đâu ?

Đáp:

- Hội Thông vì pháp mà xuất gia, không được Hòa thượng răn lòng từ dạy bảo nên con phải đi nơi khác học Phật pháp.

Sư nói:

- Nếu là Phật pháp thì chỗ ta cũng có chút đỉnh.

Hỏi:

- Thế nào là Phật pháp của Hòa thượng ?

Sư bèn nhổ mấy sợi lông vải trên áo đang mặc và thổi cho bay đi. Thông tức thì nhận ra chỉ ý huyền diệu.

\*\*\*

Khoảng niên hiệu Nguyên Hòa, Quan thị lang Bạch Cư Dị nhân làm Thái Thú cai quản nơi quận ấy, đi vào núi yết kiến sư, hỏi:

- Chỗ ở của Thiên sư sao nguy hiểm quá vậy ?

Sư đáp:

- Thái thú còn nguy hiểm hơn nhiều.

Bạch nói:

- Đệ tử ở vị thế trấn giang san cho vua nào có nguy hiểm chi đâu ?

Sư nói:

- Cui lửa giao nhau, thức tánh chẳng dừng, vậy không nguy hiểm sao ?

Lại hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp ?

Sư đáp:

- Chớ làm điều ác, nên làm các điều lành.

Bạch nói:

- Đứa trẻ ba tuổi cũng biết nói như vậy.

Sư nói:

- Trẻ ba tuổi tuy nói được như thế nhưng ông lão 80 lại không làm được.

Bạch làm lễ lui về.

Niên hiệu Trường Khánh, năm thứ tư, ngày 10 tháng, sư bảo cùng thị giả:

- Ta nay đã xong hết.

Nói xong, sư ngồi yên mà tịch, thọ 84 tuổi, tuổi lập 63.

## **THIÊN SƯ HỘI THÔNG**

### **ĐỜI THỨ BA CỦA TRÍ OAI, PHÁP TỰ CỦA Ô KHÒA**

Thiên sư Hội Thông chùa Chiêu Khánh Hàng Châu, họ Ngô, là người của bốn quận. Sư vốn tên Nguyên Khanh, hình tướng đoan nghiêm, lúc còn trẻ thơ đã thông hiệt. Thời Đường Đức Tông, sư làm

Lục cung sứ, vương tộc đều khen ngợi. Trong mùa xuân, sư thấy hoa trong cung Chiêu Dương nở rộ, bèn mê mải nhìn ngắm rất lâu. Lát sau nghe trên không trung có tiếng nói: “Tướng hư ảo, nở tàn không ngừng, có thể làm tổn hoại căn lành đây, nhân giả sao lại quá mê thích vậy?”. Sư tỉnh niệm nhớ lại hồi bé thơ hay sùng thiện, liền cảm thấy rất khó chịu, chán ghét cảnh đẹp.

Đế ngày kia đi dạo trong cung, hỏi Sư:

- Khanh sao lại kém vui ?

Sư đáp:

- Thần hồi còn bé không ăn món mặn tanh nồng, chí nguyện theo Phật.

Đế nói:

- Trẫm xem khanh như tình anh em, nên chuyện giàu sang hơn người khác thì không từ chối với khanh, chỉ trừ xuất gia là không được.

Hơn mười ngày sau, Đế thấy nét mặt Sư héo hon, bèn hạ chiếu cho Vương Tân xem tướng tâu rằng: “Người này đáng thiệu long Tam Bảo”.

Đế nói với Sư:

- Thôi, như ý nguyện của khanh vậy, hãy tự chọn ngày trước sau.

Sư mang ơn, hết lòng trí tạ. Sau đó được tin nơi quê nhà mẹ bệnh, xin được về ninh tỉnh sớm hôm. Đế ban tứ rất hậu, sắc hữu ty đón đưa. Sư về đến nhà, chẳng bao lâu gặp pháp sư Thao Quang khuyên Sư nên yết kiến thiền sư Ô Khòa làm đàn việt, cùng kết am, lập chùa. Chùa thành, sư trình rằng:

- Đệ tử bảy tuổi ăn chay, mười một tuổi thọ năm giới, năm nay 25 tuổi, vì chuyện xuất gia mà hư quan, thỉnh Hòa thượng nhận cho làm tăng.

Điều (Ô) Khòa đáp:

- Ngày nay tăng nhân ít ai chịu gian khổ, tinh cần, thường làm những chuyện quá đáng.

Sư nói:

- Bồn tịnh không cần phải giũa mài, nguyên minh không cần chiếu theo.

Khòa nói:

- Ông nếu đã hiểu thể tịnh trí diệu viên tự rỗng rang thì là chân xuất gia, cần chi tướng bên ngoài. Ông nên làm Bồ-tát tại nhà, giới thí đều tu, như Tạ Linh Vận vậy.

Sư nói:

- Tuy lý là như vậy, nhưng ở sự có ích gì, xin sư rủ lòng thương mà nhiếp thụ, thì thể nguyên tuân theo giáo hóa của sư.

Thỉnh cầu như vậy ba lần đều không được chấp nhận. Lúc ấy, Thao Quang kiên định nói với Điều Khòa:

- Quan Lục cung sứ chưa cưới vợ, lại cũng chưa từng sấm thị nữ. Nếu thiên sư không tiếp vớt, thì ai độ cho đây ?

Điều Khòa liền cắt tóc cho và cho thọ giới cụ túc. Sư thường chỉ độ trai buổi sáng, sau đó suốt ngày đêm tinh tấn tụng niệm kinh Đại thừa, tập an ban Tam-muội. Sau định từ giã lên đường du phương, Điều Khòa rút sợi chỉ vải thị cơ, Sư liền ngộ huyền chỉ ở lại, người đương thời gọi là “Thị giả sợi vải”.

Sau khi Điều Khòa thị tịch 20 năm, gặp lúc vua Vũ Tông phế bỏ chùa, sư cùng chư tăng lễ từ linh tháp ra đi, sau không biết thế nào.

## **ĐỜI THỨ BẢY SAU TỨ TỔ PHẬT QUẬT THIÊN SƯ DUY TẮC PHÁP TỰ CỦA THIÊN SƯ TRUNG**

Núi Thiên Thai, động Phật Quật, thiên sư Duy Tắc, người Kinh Triệu, họ Trương Tôn. Ban sơ, gặp Thiên sư Trung đã ngộ ra ý chỉ huyền diệu. Sau ở ẩn trong hang phía Tây của thác nước Thiên Thai.

Trong niên niệu Đường Nguyên Hòa, pháp tịch dần long thịnh, mới tự đặt tên cho hàng ấy là Phật Quật. Một ngày nọ, sư thị chúng rằng:

- Trời đất chẳng có vật gì, ta chẳng có vật gì. Tuy chẳng có gì mà chưa từng là chẳng có gì. Như vậy, Thánh nhân như ảnh, trăm năm như mộng thì ai làm nên sanh tử ? Bậc chí nhân lấy đó mà tự soi một mình, làm chủ được vạn vật (điều đó) ta biết rồi vậy ! Các ông có biết không vậy ?

Có ông tăng hỏi:

- Thế nào là mũi tên Na-la-diên ?

Sư đáp:

- Trúng đích.

\*\*\*

Bỗng ngày nọ, Sư báo cùng các môn nhân:

- Các ông hãy gắng lên, ta há nói sao !

Hai ngày sau, sư ngồi xếp bằng an tịch, thọ 80 tuổi, tuổi lập 58. Ba năm sau, lập tháp táng tại núi Thiên Thai này.

(Đời Đường, Hàn Nghệ soạn bi văn, nay vẫn còn lưu tại chùa Quốc Thanh).

## **ĐỜI THỨ TÁM SAU TỨ TỔ THIÊN THAI - THIỀN SƯ VÂN CƯ TRÍ PHÁP TỰ CỦA THIỀN SƯ TẮC**

Thiên Thai thiền sư Vân Cư Trí trụ tại Viện Hoa Nghiêm.

Tăng Kế Tông hỏi:

- Thấy tánh thành Phật, nghĩa ấy thế nào ?

Sư đáp:

- Tánh thanh tịnh, xưa nay vốn vắng lặng, không dao động, chẳng thuộc có - không, như - sạch, dài - ngắn, giữ - bỏ, thể vốn tự nhiên. Thấy

rõ như thế gọi là thấy tánh. Tánh tức Phật, Phật tức tánh, vậy nên gọi là thấy tánh thành Phật.

Hỏi:

- Tánh đã thanh tịnh, chẳng thuộc có - không. Do đâu lại có thấy ?

Sư đáp:

- Thấy cái không chỗ thấy.

Hỏi:

- Đã không chỗ thấy, sao lại có thấy ?

Đáp:

- Chỗ thấy cũng không.

Hỏi:

- Như vậy lúc thấy, thì ai thấy đó ?

- Không có kẻ nhìn thấy.

Hỏi:

- Rồi lại thì lý nó thế nào ?

Sư đáp:

- Ông biết không, vọng cho là có, tức có năng sở - ấy gọi là mê vọng. Theo chỗ thấy mà sanh ra diễn giải tức sa vào vòng sanh tử. Người thấy biết suốt thì không vậy. Suốt ngày thấy biết mà như chưa từng thấy biết, cầu danh định thể đều không thể, chủ - khách (năng sở) đều dứt tuyệt, gọi là thấy tánh.

Hỏi:

- Cái tánh ấy biến khắp nơi chứ ?

- Không nơi nào mà chẳng biến hiện.

Hỏi:

- Kẻ phàm phu có đầy đủ không ?

Đáp:

- Trên đã nói, là không nơi nào mà chẳng biến hiện thì phàm phu há lại không có đủ sao ?

Hỏi:

- Do đâu mà chư Phật và Bồ-tát không bị câu thúc bởi sanh tử, còn phàm phu lại riêng phải chịu đựng khổ não ? Vậy thì có biến khắp đâu nào ?

Đáp:

- Kẻ phàm phu trong tánh thanh tịnh cho có căn - trần, chủ - khách, nên rơi vào sanh tử. Chư Phật, Đại sĩ (Bồ-tát) thì rõ biết trong tánh thanh tịnh chẳng thuộc có - không, tức căn trần chủ khách không khởi.

Hỏi:

- Nói như vậy tức có người hiểu, người không hiểu.

Đáp:

- Thấu biết vẫn không thể nắm bắt thì há lại có người thấu biết sao ?

Hỏi:

- Thấu cùng lý thì thế nào ?

Đáp:

- Ta lấy chỗ chủ yếu mà nói, ông phải ứng niệm, trong tánh thanh tịnh không có phàm Thánh, cũng không có kẻ hiểu kẻ không hiểu. Phàm với Thánh, cả hai đều là tên gọi. Nếu sa vào danh để diễn giải, tức rơi vào vòng sanh tử. Nếu biết danh giả là không thực, tức không vướng vào danh tự vậy.

Ngài lại nói:

- Đây là chỗ rất ráo. Nếu nói: “Ta biết rõ, kẻ khác không thể biết rõ”, tức là bệnh nặng rồi. Thấy có uest - tịnh, phàm - Thánh; cũng là bệnh nặng. Còn kiến giải không phàm Thánh lại rơi vào niệm phé trừ nhân giả. Thấy có tánh thanh tịnh khả dĩ nương trụ, cũng là bệnh nặng, còn thấy không chỗ nương trụ cũng là bệnh nặng. Nhưng trong tánh thanh tịnh, tuy không nhưng đều chẳng mất đi phương tiện ứng dụng cùng<sup>(1)</sup> với hưng từ vận bi. Đây chỗ hưng vận như thế là trọn tánh của thanh tịnh, có thể gọi đó là thân thành Phật.

Kê Tông hồ hởi làm lễ lui về.

(1) *Chỗ chữ Cụ cả bản Thanh tạng lẫn bản Tục tạng đều viết là thả.*

## **CÁC PHÁP TỰ BÀNG XUẤT CỦA NGŨ TỔ THIÊN SƯ ĐẠI MÃN BẮC TÔNG THẦN TÚ**

Bắc tông, thiên sư Thần Tú. Ngài Da-xá tam tạng ghi rằng:

**Phiên âm:**

Cán địa sinh huyền chỉ  
Thông tôn mị diệt tôn  
Tỉ kiên tam cửu tộc  
Túc hạ nhất mao phân.

**Tạm dịch:**

*Đất Cán sinh huyền chỉ  
Truyền bá tôn, tôn quý  
Sánh vai ba chín họ  
Dưới chân một lông phân.*

Người Khai Phong, họ Lý. Lúc trẻ theo nghiệp Nho, uyên bác đa văn; không bao lâu thì bỏ tục ái, xuất gia tìm thầy hỏi đạo. Sư đến chùa Đông Sơn núi Song Phong, Kỳ Châu gặp Ngũ Tổ, thấy ngài lấy việc ngòi thiên làm chính, nên đâm ra rất thán phục, nói:

- Đây đúng là thầy ta.

Đoạn nguyện với lòng chịu khổ, làm các việc đốn củi, xách nước để cầu lấy đạo. Tổ ngầm biết nên càng thêm quý trọng.

Sau khi Tổ tịch diệt, sư Tú trụ tại núi Đương Dương, Giang Lăng. Đời Đường, Vũ Hậu nghe tiếng triệu sư về kinh cúng dường nơi đạo tràng trong cung, rất coi trọng, lại lệnh cho thiết lập chùa Độ Môn tại núi cũ Đương Dương để tinh biểu đức hạnh của ngài. Khi ấy, từ các hàng vương công đến học sĩ đều rất trọng vọng bái phục.



Khi Trung Tông lên ngôi, sư càng được quý trọng. Đại thần Trương Thuyết thường đến cửa hỏi về yếu chỉ đạo pháp và hành lễ theo phép đệ tử.

\*\*\*

Sư có kệ thị chúng:

**Phiên âm:**

Nhất thiết Phật pháp

Tự tâm bản hữu

Tương tâm ngoại cầu

Xá phụ đào tầu.

**Tạm dịch:**

*Tất thấy Phật pháp*

*Đã có bên trong*

*Đem tâm cầu ngoài*

*Lìa cha chạy rong.*

Niên hiệu Thần Long năm thứ 2, Sư nhập diệt tại chùa Thiên Cung ở Đông Đô. Được thụy tặng Đại Thông thiên sư, nghi biểu đạo pháp được long trọng chôn theo tại Long môn. Ngày di quan vua tiễn đến kiệu, vương công, học sĩ đều đưa đến phân mộ. Trương Thuyết cùng Trung sĩ <sup>(1)</sup> Lư Hồng Nhất, mỗi người đều làm văn bia. Môn đồ như Phó Tịch, Nghĩa Phúc đều được triều đình và dân gian kính trọng.

*(1) Trung Sĩ: Người có tài văn học không ra làm quan.*

## **PHẦN PHỤ LỤC**

**I.** Chí Thành lúc còn trẻ phụng sự Thần Tú tại chùa Ngọc Tuyên núi Đương Dương ở Kinh Nam (nay là dãy Giang Lăng tỉnh Hồ Bắc) được 12 năm. Về sau, nhân hai tông nam bắc giáo hóa đều thanh hành, đồ chúng của Thần Tú thường thường chê bai Nam tông rằng:

- Đại sư Huệ Năng không biết một chữ thì có bản lãnh gì ?

Thần Tú nói:

- Ông ta có vô sư trí, hiểu thấu sâu xa Phật pháp Đại thừa, ta không bằng được. Vả lại thầy ta là Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn tự tay trao y pháp cho ông ta thì há có thể nói là chẳng đạo lý gì ru ? Ta những hận vì hai nơi cách nhau quá xa nên không thể đến thỉnh giáo ông ta, chỉ ở đây lũng nhận ân huệ của quốc gia. Nay các vị, không thể vướng kẹt mãi nơi này mà hãy đến Tào Khê thỉnh giáo, ngày sau trở về nói lại cho ta nghe.

Chí Thành nghe xong lời này bèn từ giã Thần Tú đi Thiệu Dương.

(Theo **Ngũ Đăng Hội Nguyên** quyển 2)

*(Chú: “Người đời do ảnh hưởng Thiền pháp của Huệ Năng lưu bố quá sâu rộng nên vô tình coi thường Thiền sư Thần Tú. Nữ sĩ Thu Nga đất Thần Kinh đã rất đúng khi nói: “Thật ra bài kệ ‘Thân như Bồ-đề thọ...’ của sư không phải hoàn toàn chẳng có giá trị. Thử nghĩ trong một xã hội mà ai ai cũng lo ngày ngày lau chùi cái tâm thì đó há không phải là một xã hội hoàng kim ru ? Có thể nói bài kệ của sư định tướng, còn bài kệ của Huệ Năng định tánh. Dĩ nhiên định tướng phải nhường định tánh một bước, nhưng thử hỏi có ai dám vỗ ngực cho mình đã định tánh rồi chẳng ?”*

*Xem qua đoạn ngữ lục này, ta thấy tinh thần cầu thị của Thần Tú cao cả nhiệt thành đến mức nào. Do đó Bắc tông thanh hóa một thời ở phương Bắc là chuyện đương nhiên).*

## **II. Các Tổ Đời Thứ Bảy:**

Triều Đường, đại sư trụ ở chùa Ngọc Tuyền Kinh Châu tên Tú; đại sư trụ ở chùa Thọ Sơn, An Châu tên Trách; đại sư trụ ở chùa Hội Thiện Lạc Châu tên An. Cả ba đại sư này, theo thứ tự trước sau, là quốc sư của ba quốc chúa là Đại Thánh Hoàng hậu Võ Tắc Thiên, Ứng Thiện Thần Long Hoàng đế và Thái Thượng Hoàng.

Trước kia, đại sư Hoằng Nhẫn thọ ký rằng: “Sau này truyền đạo của ta chỉ có 10 người mà thôi”. Các vị ấy đều là thừa kế Nhẫn thiền sư. Sách “Lăng Già Phật nhân pháp chí” của Hòa Thượng Thọ Sơn ở An Châu ghi rằng:

Thiền sư Thần Tú họ Lý, người Uy Thi, Biện châu, vượt thuyền trên sông, mong tìm mới đạo. Đi tới chỗ của thiền sư Hoằng Nhẫn ở tu là núi Song Phong tại Kỳ Châu, nhận được Thiền pháp, Thiền đăng tự

nhiên tỏa chiếu, ngôn ngữ đều dứt bật, tâm hành xú diệt, không viết sách vở. Sau ngài đến ở chùa Ngọc Tuyên tại Kinh Châu. Năm đầu niên hiệu Đại Túc, Sư được vời vào Đông Đô, theo vua tới lui hai kinh truyền pháp, được tôn làm thầy vua. Đại Thánh Hoàng hậu Võ Tắc Thiên hỏi thiên sư Thần Tú rằng:

- Pháp mà sư truyền cho là Tông chỉ của phái nào ?

Thiên sư đáp:

- Thừa đây là pháp môn Đông Sơn ở Kỳ Châu.

Hỏi:

- Căn cứ vào điển tịch nào ?

Đáp:

- Căn cứ vào Nhất hạnh Tam-muội của Kinh Bát-nhã do ngài Văn Thù tuyên thuyết.

Tắc Thiên nói:

- Nếu luận phép tu đạo thì không gì qua được pháp môn Đông Sơn.

Việc cho Tú Sư là môn nhân của Nhẫn đại sư, là lời nói đúng sự thật rồi. Ngày 12 tháng 3, năm đầu niên hiệu Thần Long, đời Hoàng đế Ứng Thiên Thần Long vua hạ sắc chỉ:

Thiên Sư trát tích xa tục trần, thần thái phiêu du cõi ngoài, khế ngộ diệu lý vô tướng, hóa độ mê đồ hữu kết, nước định lóng lạng bên trong, giới sáng ngời chư châu ngọc chiếu suốt bên ngoài. Đệ tử nay qui tâm đạo Phật, dọn bến bờ, mong khai pháp môn, ước gặp người đứng đầu mỗi đạo. Trước đây Thiên sư muốn quay về bốn châu, điều đó giờ không cần đâu. May đáp ứng lòng hoài vọng, chẳng làm ngăn ngại dạ luyện thương làng quê. Đưa thư thị ý, chiếu chỉ không nói nhiều. Thiên sư khâm thừa hai vua, khai hóa hai kinh, trong triều ngoài quê đều gọi ơn lợi ích, độ người vô số. Vua sắc lập chùa Bảo Ân ở làng quê sư.

Ngày 28 tháng 2 năm thứ 2, niên hiệu Thần Long, chẳng bệnh hoạn ngồi im, dặn lại ba chữ rằng: “Khuất, Khúc, Trục” rồi qua ở chùa Thiên Cung, thọ hơn trăm tuổi. Tứ chúng hiệp thành, dựng mộ tháp to lớn, làm

lễ an táng tại núi Long Môn. Phò mã cùng công chúa, đều đọc tế văn. sắc: Có thiên sư Thần Tú, điều thức ngoại dung, linh cơ nội triết. Năm bắt được phép áo diệu bất nhị, riêng được hạt châu trên búi tóc ngài Chuyển luân Thánh vương (dụ trong kinh Pháp Hoa) năm pháp môn chơn nhất, riêng treo gương tâm, ứng vật chí linh, sắc hội thần minh, vô vi tự tại trần thanh lục khiển, kỳ di chuyển mộ. Tinh sánh nhật thông, mới biết được lẽ huyền vi trước động, dẫn tai mắt quần sanh. Không ngờ đại bi đồng thể, lập bày phương tiện giáo hóa, một khi đau đớn luận đến ngày thầy Nê-hoàn (tịch), nghĩ mãi đến lời dạy ý truyền của thầy, về lý tuy tuyệt danh tướng, chẳng cần đợi chi chuyện tôn sùng truy niệm, nhưng nghĩ tình thầy trò da diết, xin lưu giữ chỗ tôn vinh, khá ban tặng thụy hiệu “Đại Thông Thiên sư”. Lại sai quan Thái tử Tẩy mã tên Lu Chánh Quyền mang chỉ dụ truy tặng ấy đến Kinh Châu giao cho đệ tử của ngài, biểu ngạch chùa cũng giao cho Lu Chánh Quyền làm. Ngày ông sắp trở về tâu lên vua, thì nghe đệ tử của ngài tán thán rằng: “Chí thành thay thầy ta. Đạo đạt tới chân đế, thanh tịnh giải thoát, thật tế viên thành, diễn nói đạo vô thượng, mở ra huệ vô thượng. Tâm quên tam thế. Mượn lời hiển lý, thuận theo lý khế hợp đạo, mãi mãi là thuyết pháp, chở người đáng chở”. Đại sư dạy:

- Kinh Niết-bàn nói: Người hầu rành chữ Nhất là luật sư. Văn ở trong kinh nói ra, chứng tại trong người”.

Lại nói:

- Tâm này có tâm không ? Tâm là tâm gì ?

Lại nói:

- Thấy sắc có sắc không ? Sắc là sắc gì ?

Lại nói:

- Ông nghe tiếng giống chuông không ?

Lại nói:

- Thân diệt, bóng không diệt, cầu trôi, nước không trôi. Đạo pháp của ta, tóm lại chỉ ở hai chữ thể và dụng, cũng gọi: “Trùng huyền môn, cũng gọi là chuyển pháp luân, cũng gọi là Đạo quả”.

Lại nói:

- Lúc chưa thấy mà thấy, rốt lại đều là thấy.

Lại nói:

- Kinh Anh Lạc chép: “Bồ-tát chiếu tịch, Phật tịch”.

Lại nói:

- Hột cái chứa núi Tu-di. Núi Tu-di chứa hột cái.

Lại thấy chim bay qua liền hỏi:

- Là vật gì vậy ?

Lại nói:

- Ông lên đầu cành cây mà ngồi thì được không ? Ông xuyên qua tường vách được không ?

Lại nói:

- Kinh Niết-bàn nói: “Có Bồ-tát Vô Biên Thân từ phương Đông đến. Thân Bồ-tát vốn không bờ mé thì làm thế nào mà từ phương Đông đến. Có gì không từ phương Tây đến, không từ phương Nam, phương Bắc đến. Đúng là không thể được”.

(Theo **Lăng Già Sư Tử Ký**)

## **TUNG NHẠC - QUỐC SƯ TUỆ AN**

Tung Nhạc Quốc sư Tuệ An. Ngài Da-xá Tam tạng ghi nhận rằng:

**Phiên âm:**

Cửu nữ xuất nhân luân

Bát nữ tuyệt hôn nhân

Hủ sàng thêm lục cước

Tâm tổ chúng trung tôn.

**Tạm dịch:**

*Chín nữ vượt thường tình*

*Tám nữ dirt hôn nhân*

*Giường mục thêm sáu chân*

*Tâm tổ quý giữa đời.*

Là người Chi Giang, Kinh Châu, họ Vệ. Thời nhà Tùy niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 7, mở cuộc điều tra mọi tầng ni tự độ (*là tầng ni tự xuất gia không qua sự cho phép của chính quyền*) trong thiên hạ. Tra đến sư, sư bảo vốn chẳng có tên và lánh vào sơn cốc. Giữa niên hiệu Đại Nghiệp, triều đình phát động đình phu khai đường nước Thông Tế, người chết đói xếp lớp nhau, sư phải khát thực cứu tế, những người khôn khổ được cứu tế rất đông. Dạng Đế cho triệu sư, sư không đến, đoạn lạng lẽ vào núi Thái Hòa. Khi vua du lãm đến Giang Đô, trong nước lắm nhiễu nường, sư chống gậy lên núi Hoành Nhạc tu hạnh đầu-đà.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán đời Đường, sư đến Hoàng Mai ra mắt Tổ Hoàng Nhẫn và được truyền tâm yếu.

Niên hiệu Lâm Đức, năm đầu, Sư du hành đến Thạch Bích núi Chung Nam và dừng lại nơi này. Vua Cao Tôn triệu thỉnh, sư đều thoái thác không phụng chiếu. Thế là sư viếng nhiều di tích danh tiếng, đến Tung Thiếu nói:

- Đây là nơi cuối cùng của ta vậy.

Từ đó, giới Thiên học đến rất đông. Có hai ông tăng là Thản Nhiên và Hoài Nhượng đến tham vấn sư, hỏi:

- Ý của Tổ sư từ Tây sang là gì ?

Sư nói:

- Sao không hỏi chỉ ý của chính mình ?

Hỏi:

- Chỉ ý của chính mình là gì ?

Sư đáp:

- Nên quán tác dụng mật.

Hỏi:

- Thế nào là tác dụng mật ?

Sư mở mắt nhắm mắt khai thị. Thản Nhiên thấy vậy tức thì hiểu ra, quay về. Còn Hoài Nhượng đến yết kiến Tào Khê.

\*\*\*

Võ Hậu triệu sư đến kinh sư lấy lễ thầy mà đãi, cùng với Tú thiên sư rất được xem trọng.

Hậu hỏi Sư:

- Tuổi tác bao nhiêu ?

Đáp:

- Không nhớ.

Hậu hỏi:

- Tuổi sao lại không nhớ ?

Sư đáp:

- Cái thân sống chết nó cứ như vòng tròn xoay vần, vòng tròn không khởi điểm và điểm dứt đi thì nhớ làm gì, huống chi cái tâm này lưu chuyển liên miên không dứt. Kẻ thấy bọt nước nổi lên rồi biến mất thì đâm ra vọng tưởng. Từ thức đầu tiên cho đến lúc động cùng diệt đều như vậy; vậy có năm tháng gì đâu để mà nhớ chứ.

Võ Hậu nghe vậy cúi đầu đánh lễ tin nhận.

Niên hiệu Thần Long năm thứ 2, vua Trung Tôn ban cà-sa sắc tía, độ đệ tử tu 27 người, đều được mời vào cấm cung cúng dường. Ba năm sau, triều đình lại ban tặng tăng bào quý ma nạp, sư từ tạ trở về Tung Nhạc.

Ngày 3 tháng 3 năm đó, Sư cáo cùng môn đồ:

- Khi ta chết, hãy đem xác vào rừng cho lửa ma trời thiêu đốt.

Không lâu sau đó, có Vạn Hồi Công đến, thấy sư hành động cuồng điên, tay vung miệng nói, người đứng bên nghiêng tai mà nghe song chẳng hiểu gì. Đến ngày 8, đóng cửa, sư nằm duỗi mà tịch thọ 128 tuổi.

Môn đồ theo lời dặn, mang xác thầy vào rừng, quả được lửa ma trôi trà tì, thu được 80 hạt xá-lợi, trong số có 5 hạt có sắc tía lưu lại trong cung. Đến niên hiệu Tiên Thiên, năm thứ 2, môn nhân xây tháp cúng dường.

*(Su sinh vào thời Tùy, niên hiệu Khai Hoàng năm thứ 2, Nhâm Dần, và nhập diệt thời nhà Đường, hiệu Cảnh Long, năm thứ 3, Kỷ Dậu, thời nhân gọi là Lão An Quốc sư - Trích Ngũ Đẳng Hội Nguyên quyển 2).*

## MÔNG SƠN - THIÊN SƯ ĐẠO MINH

Mông Sơn, thiên sư Đạo Minh ở Viên Châu người Bà Dương là hậu duệ của vua Trần Tuyên đế. Khi nước mất, ngài lưu lạc trong dân gian, nhân vương tôn thường nhận tước hiệu, do đó mà ngài có hiệu Tướng quân.

Ngài xuất gia lúc thiếu thời tại chùa Vĩnh Xương, rất mộ đạo. Sau đó theo pháp hội Ngũ Tổ, hết sức tìm hiểu nghiên cứu, song lúc đầu không giải ngộ được. Đến khi nghe Ngũ Tổ mật truyền y và pháp cho Lư hành giả, ngài liền dẫn 10 bạn đồng chí theo dấu truy đuổi. Đến núi Đại Dữu, sư trông thấy hành giả trước tiên, kỳ dư bọn người theo sau chưa đến kịp. Lư thấy sư nhào đến, bèn ném y bát lên phiến đá, nói:

- Đây là tấm y làm tin, há có thể dùng sức mà tranh lấy được sao ?  
Tùy ông cứ mang đi.

Sư bèn nhấc lên song y nặng như núi, không chút động đậy. Sư đâm ra trù trù, sợ hãi, nói:

- Tôi đến cầu pháp chớ không phải vì y. Cúi xin hành giả khai mở cho tôi.

Lư nói:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, chính ngay lúc ấy cái mặt mũi xưa nay của Minh thượng tọa thế nào ?



Sư nghe tức thì đại ngộ, toàn thân tháo mồ hôi, rơi nước mắt, chấp tay đánh lễ và nói:

- Ngoài lời mật, ý mật vừa mới nói thì còn có ý chỉ gì nữa không ?

Lư nói:

- Ta nay nói với ông điều đó không phải là mật. Nếu ông tự soi lại chính mình tất sẽ thấy cái mật ở nơi ông.

Sư nói:

- Kẻ này tuy theo đồ chúng tại Hoàng Mai nhưng quả tình chưa rõ thấu mặt mũi chính mình. Nay nhờ chỉ dạy lối vào chỗ ngộ như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nay hành giả là thầy của kẻ này rồi.

Lư nói:

- Nếu ông như vậy tất là cùng với ta đồng thờ thầy Hoàng Mai. Hãy khéo tự hộ trì.

Sư lại hỏi:

- Về sau, kẻ này nên đi về đâu ?

Lư nói:

- Gặp Viên thì dừng, gặp Mông thì ở.

Sư lễ tạ, quay trở xuống chân núi nói cùng mọi người:

- Vừa rồi ta lên đến đỉnh cao vót nhìn xa vắng hoe không thấy tung tích, nên đi đường khác mà tìm.

Mọi người đều cho là phải.

Sư trở về, một mình đến đài Bồ Thủy (Thác nước), Lư Sơn. Ba năm sau, sư mới đến Mông Sơn, Viên Châu, tuyên dương rộng lớn Chánh pháp. Lúc đầu tên hiệu sư là Huệ Minh, sau tránh húy chữ của Lục Tổ là Huệ nên đổi là Đạo Minh. Các đệ tử đều khiến sang Lĩnh Nam ra mắt Lục Tổ.

## **ĐÒI THỨ HAI SAU NGŨ TỔ PHÁP TỰ BẮC TÔNG THẦN TÚ THIÊN SƯ CỤ PHƯƠNG**

(Bản đời Nguyên chép CỤ HUYỀN)

Núi Ngũ Đài thiên sư Cự Phương, người An Lục, họ Tào. Lúc bé học cùng thiên sư Lăng tại viện Minh Phúc. Ban đầu giảng kinh luận sau lại tham Thiên hội.

Lúc ra mắt, Bắc Tông Thần Tú hỏi:

- Chỗ mây trắng tan như thế nào ?

Sư đáp:

- Không mờ.

Tú lại hỏi:

- Đến chỗ đó lát sau thì thế nào ?

Sư đáp:

- Chính thấy “Một cảnh sinh năm cánh”. (1)

[*Chú (1): Câu “Nhất chi sanh ngũ diệp” tức “Một cảnh sinh năm cánh”, sách Tổ Đường Tập quyển 2 chép: “Nhất hoa khai ngũ diệp”, tức “Một hoa nở xòe năm cánh”*].

Tú thâm thừa nhận, sư được vào thất theo hầu thầy, đối ứng đều hợp. Sau đó đến trụ tại Hàn Lĩnh, Thượng Đăn. Trong có vài năm mà người học đông đến hàng ngàn. Sau đó, xiển dương pháp yếu hơn 20 năm tại núi Ngũ Đài mới thị tịch, thọ 81 tuổi. Ngày mùng 3 tháng 9 năm Đường Khai Nguyên thứ 15, phụng đem toàn thân nhập tháp.

## TRUNG ĐIỀU - THIÊN SƯ TRÍ PHONG PHÁP TỰ CỦA THẦN TÚ

Phủ Hà Trung, núi Trung Điều, thiên sư Trí Phong họ Ngô. Lúc đầu sư theo học Duy Thức Luận, chấp nhận vào danh tướng, bị trí thức tra hỏi nên phần chí, bỏ cả giảng giải, đi đó đây và lên núi Vũ Đương gặp thiên sư Tú, lòng ngờ mới tan biến. Bèn từ giã ra đi đến trụ tại An

Phong, Bồ Tân, trong 10 năm không hề xuống núi, chỉ ăn cây trái, uống nước suối.

Gặp Châu mục Vệ Văn Thăng rước sư về trong thành lập viện An Quốc thỉnh trụ trì, tăng tục đến quy y, tới lui không dứt.

Sứ quân hỏi:

- Tôi sau này sẽ thế nào ?

Sư nói:

**Phiên âm:**

Nhật tòng môn dĩ xuất

Chiếu thọ toàn vô cảnh.

**Tạm dịch:**

*Mặt trời mọc hướng Tây*

*Chiếu lên cây toàn vô cảnh.*

Thoạt đầu sứ quân không hiểu, chấp tay thi lễ lui ra, lát sau đâm ra chột hiểu, thích ý vô cùng.

Sư tới lui núi Trung Điều hơn 20 năm, người được đạo ngài nhiều không kể xiết. Sau khi tịch diệt, môn nhân lập tháp phía Bắc Châu.

## **THIÊN SƯ HÀNG MA TẠNG PHÁP TỰ CỦA THẦN TÚ**

Duyên Châu, thiên sư Hàng Ma Tạng, người Triệu quận, họ Vương. Cha làm phụ quan đất Bạc.

Sư xuất gia năm lên 7 tuổi. Thời ấy, vùng hoang dã có nhiều yêu ma quỷ mị mê hoặc người, sư một mình đến chế phục, chẳng chút sợ hãi, do đó mà có hiệu là Hàng Ma.

Sư làm lễ xuống tóc với thiên sư Minh Tán, viện Quảng Phúc, phục cần thọ pháp. Sau đó, gặp lúc Bắc Tông hoàng hóa thành hành, sư bèn nguyện theo học. Thần Tú hỏi:

- Ông tên Hàng Ma, ở đây không có tinh núi quái rừng, vậy ông trở lại làm ma ư ?

Sư nói:

- Có Phật là có ma.

Tú:

- Nếu ông là ma, tất trụ tại cảnh giới bất tu nghi.

Sư nói:

- Đến Phật cũng là không, có cảnh giới gì đâu.

Tú bèn huyền ký cho:

- Ông với mồ Thiếu Hạo có duyên.

Sau sư vào núi Thái Sơn, trong vài năm, người học kéo đến thật đông.

Ngày nọ, sư bảo cùng môn nhân:

- Ta nay già lão, vật cùng tất phải quay về.

Nói xong thì mất, thọ 91 tuổi.

## **THỌ CHÂU - THIỀN SƯ ĐẠO THỌ PHÁP TỰ CỦA THẦN TÚ**

Thọ Châu, thiền sư Đạo Thọ, người Đường Châu, họ Văn. Từ bé đã ưa tìm đọc kinh sách. Khi tuổi gần 50 nhân gặp cao tăng chuyển hóa liền phát thệ xuất gia, lễ bản bộ Minh Nguyệt sơn - Huệ Văn làm thầy.

Sư thẹn mình, lớn tuổi, cầu pháp trẻ nãi nên gắng chí đi đó đây không đâu là chẳng đến. Sau đó trở lại Đông Lạc, gặp thiền sư Tú vừa nghe liền thấu lẽ vi diệu. Đoạn đến Thọ Châu, núi Tam Phong kết cỏ am ở. Nơi đây thường có dã nhân ăn vận mộc mạc, nói năng kỳ quái. Ngoài chuyện cười nói ra, còn hóa làm hình dạng Phật, Bồ-tát, La-hán, trời tiên, hoặc phóng ra thần quang, hoặc phát ra tiếng vọng.

Người theo học sư nhìn thấy đều không lường biết được. Qua 10 năm như vậy, sau đó thì biến mất không còn bóng dáng. Sư nói cùng chúng:

- Dã nhân làm nhiều trò lạ lắm, mê hoặc người. Chỉ cần lão tăng không thấy không nghe. Cái trò lạ kia có chỗ cùng, còn chuyện chẳng thấy chẳng nghe của ta thì vô tận.

Thời Đường, niên hiệu Bảo Lịch năm đầu, sư thọ bệnh mà mất, thọ 92 tuổi. Tháng giêng năm sau dời tháp (Bản đời Nguyên, Minh chép “Kiến tháp”, tức xây tháp).

## **THIÊN SƯ TOÀN THỰC PHÁP TỰ ĐỜI THỨ HAI CỦA THẦN TỬ**

Thiên sư Toàn Thực núi Đô Lương ở Hoài Nam, họ Nhuế, người Quang Châu. Ban đầu sư kết am mà ở, Thái thú Vệ Văn Khanh mời sư đến chùa Trường Thọ của bốn châu khai pháp, tụ tập đồ chúng. Văn Khanh hỏi sư:

- Tương lai Phật pháp hưng suy thế nào ?

Sư nói:

- Vật chân thật không xưa, không nay, mà cũng không có khuôn mẫu vết tích. Pháp hữu vi, thiên lưu tứ tán, pháp tức bị vướng kẹt, vùi lấp, điều đó quân hầu đã thấy rồi.

Sư thị diệt ở tuổi 93, ngày mùng 7 tháng 9 năm Giáp Tý, đời Đường Hội Xương thứ tư ngày mùng 7 tháng 9 năm Giáp Tý nhập tháp.

## **PHÚC TIÊN - THIÊN SƯ NHÂN KIỆM PHÁP TỰ CỦA QUỐC SƯ TUỆ AN**

Thiền sư Nhân Kiệt, chùa Phúc Tiên, Lạc Kinh, sau khi rời núi Tung Sơn, thường đi lang thang đến các nơi chợ búa, đô thị, người đời gọi là hòa thượng Đằng Đằng.

Thời Đường, trong khoảng niên hiệu Thiên Sách Vạn Tuế, Thiên Hậu hạ chiếu vời vào trước điện. Sư ngẩng nhìn Thiên Hậu giây lâu hỏi:

- Lãnh hội không ?

Hậu nói:

- Không lãnh hội.

Sư nói:

- Lão tăng giữ giới bất ngữ (không nói).

Nói xong lui ra.

Sớm hôm sau, dâng lên 19 bài đoản ca. Thiên Hậu xem xong ngợi khen, ban thưởng trọng hậu nhưng sư đều không nhận. Sau đó Thiên Hậu lại lệnh cho người viết ra các ca từ đó truyền bá trong dân gian. Các bài từ này đều chứa đựng đạo lý, cảnh tỉnh người đời. Trong số, duy có bài Liễu Nguyên Ca là được truyền bá rộng trong đời.

## **TUNG NHẠC - HÒA THƯỢNG PHÁ TÁO ĐẠO PHÁP TỰ CỦA QUỐC SƯ TUỆ AN**

Tung nhạc, hòa thượng Phá Táo Đạo, chẳng xưng tên họ, lời nói, hành động khó lường.

Sư ẩn cư tại núi Tung Nhạc, ngay hốc núi có ngôi miếu rất linh. Trong điện duy nhất chỉ đặt thì có cái bếp. Xa gần đều đến cúng tế không ngớt, mổ giết nấu nướng sinh mạng loài vật rất nhiều.

Ngày nọ, Sư dẫn các tăng theo hầu vào miếu, lấy gậy gõ vào bếp 3 cái, nói:

- Này, bếp kia chỉ là bùn gạch hợp thành, Thánh từ đâu tới ? Linh ở chỗ nào ? Sao lại giết nấu nhiều sinh mạng loài vật quá vậy ?

Đoạn đập thêm 3 cái nữa, bếp vỡ vụn sụp đổ. Giây lát có một người mặc áo xanh, mũ cao, đến trước Sư vái lạy.

Sư hỏi:

- Người nào đây ?

Đáp:

- Tôi là Táo thần tại miếu này, thọ nghiệp báo đã lâu. Nay nhờ Sư nói pháp vô sinh mà thoát được chỗ này, sinh vào cõi trời nay đến lễ tạ.

Sư nói:

- Ấy là do cái tính của ông, không phải ta cố nói giúp đâu.

Thần lại lễ bái và biến mất.

Lát sau đó, các tăng theo hầu hỏi Sư:

- Chúng con theo hầu Hòa thượng đã lâu mà chưa nghe Hòa thượng nhọc miệng dạy pháp. Táo thần được chỉ dạy pháp gì mà liền được sinh lên cõi trời.

Sư nói:

- Ta chỉ cho y biết y là bùn gạch hợp thành, chẳng có ban đạo lý gì khác cho y.

Các tăng theo hầu cứng họng. Sư hỏi:

- Lãnh hội không ?

Chủ sự đáp:

- Không lãnh hội.

Sư nói:

- Tánh vốn có, sao lại không lãnh hội ?

Các tăng theo hầu bèn vái lạy, sư bảo:

- Đổ rồi ! Đổ rồi ! Vỡ rồi ! Vỡ rồi !

Sau đó, Thiên sư Nghĩa Phong thuật lại Quốc sư An nghe. An than:

- Kẻ này hiểu tận, vật ngã nhất như. Có thể nói là trắng sáng trời không, không đâu là chẳng thấy. Khó mà nắm bắt lời nói của va.

Phong hỏi:

- Xin hỏi ai là người nắm bắt được lời lẽ ông ta ?

An nói:

- Không biết được.

\*\*\*

Lại có ông tăng hỏi:

- Vật vật vô hình như thế nào ?

Sư nói:

- Lễ tức duy chỉ ông, không ta. Bất lễ tức chỉ ta không ông.

Ông tăng ấy bèn lễ tạ. Sư nói:

- Vật vốn có trong đời là vật chẳng phải vật. Do đó mới nói: “Tâm năng chuyển vật, tức đồng Như Lai”.

\*\*\*

Lại có ông tăng hỏi:

- Thế nào là người tu hạnh lành ?

Sư nói:

- Chăm thương, mang áo giáp.

Hỏi:

- Thế nào là người làm hạnh dữ ?

Sư nói:

- Tham Thiên, nhập định.

Tăng nói:

- Mỗ giáp nay căn cơ nông cạn, thỉnh sư chỉ thẳng.

Sư nói:

- Ông hỏi ta điều dữ, dữ chẳng theo lành. Ông hỏi ta việc lành, lành không theo dữ.

Sư lặng thinh hồi lâu lại nói:

- Lành hội không vậy ?

Tăng đáp:

- Lành hội.

Sư nói:



- Người ác không niệm lành, Người lành không có tâm dữ. Cho nên mới nói: “Lành dữ như mây nổi, đều không có chỗ khởi diệt”.

Ông tăng này ngay theo lời nói của Sư mà đại ngộ.

Có ông tăng từ chỗ núi Ngưu Đầu đến, sư hỏi:

- Đến từ pháp hội của ai đó ?

Tăng tiến đến gần phía trước chấp tay, đi quanh sư một vòng và ra ngoài. Sư nói:

- Trong hội của Ngưu Đầu, quyết không thể có người này.

Tăng bèn quay lại bước lên bên cạnh sư, chấp tay mà đứng, Sư nói:

- Đúng vậy ! Đúng vậy !

Tăng bỗng hỏi:

- Ứng vật thì như thế nào ?

Sư đáp:

- Làm sao mà chẳng do đó được.

Hỏi:

- Như thế thì là thuận chánh quy nguyên rồi !

Sư đáp:

- Quy nguyên thuận làm sao thuận ?

Nói:

- Nếu không phải Hòa thượng thì có lẽ đã làm chiêu diễn rồi.

Sư nói:

- Đây là đạo lý lúc chưa gặp Tứ Tổ. Sau khi thấy thì thông trôi.

Tăng lại đi một vòng quanh sư trở ra. Sư nói:

- Đạo thuận chánh xưa nay là vậy.

Tăng làm lễ.

\*\*\*

Lại có ông tăng đứng hầu đã lâu, sư nói:

- Tổ Tổ Phật Phật, chỉ nói như bản tánh, bản tâm của người, chẳng đạo lý gì khác. Hiểu lấy hiểu lấy.

Tăng lễ tạ. Sư liền dùng cây xơ quất quất cho nói:

- Một chỗ như vậy, ngàn chỗ cũng thế.

Tăng bèn chấp tay đến gần ứng dạ một tiếng. Sư nói:

- Rốt lại chẳng tin, rốt lại chẳng tin.

Tăng hỏi:

- Thế nào là người đại tiên-đề ?

Sư nói:

- Tôn trọng lễ bái.

Lại hỏi:

- Người đại tính tấn là thế nào ?

Đáp:

- Chửi rửa giận dữ.

Sau không biết rõ cuối đời thế nào.

## **TUNG NHẠC - THIỀN SƯ NGUYÊN KHUÊ PHÁP TỰ CỦA QUỐC SƯ TUỆ AN**

Tung Nhạc thiền sư Nguyên Khuê, người Y Quyết, họ Lý. Xuất gia từ bé thơ, niên hiệu Vĩnh Thuận năm thứ 2, thọ cụ túc giới, tại chùa Nhân Cư học tập Tì ni không trễ nãi.

Sau đó, gặp Quốc sư An ấn chúng, ngộ ngay yếu chỉ huyền diệu, đoạn chọn nơi dựng am ở Bàn Ổ, núi Nhạc.

Ngày nọ có một người kỳ lạ, đội mũ cao, mặc nhung y đi đến, người theo hầu rất đông, bước đi thư thả, nói là yết kiến Đại Sư. Sư trông hình dạng đúng là kỳ vĩ phi thường, bèn hỏi:

- Thiện lai nhân giả vì sao mà đến ?

Người đó nói:

- Sư biết tôi không ?

Sư đáp:

- Ta quán Phật với các chúng sanh bằng nhau, ta đều nhìn với một con mắt. Há có phân biệt sao ?

Người đó nói:

- Ta là thần núi Nhạc này đây, có thể khiến cho người sống chết, sự sao có thể nhìn ta nửa con mắt như thế được ?

Sư đáp:

- Ta vốn không sanh, ông há làm chết được sao ? Ta xem thân với không như nhau, xem ta với ông như nhau, ông há hoại diệt được không với ông sao ? Cho là có thể hoại diệt được không với ông đi nữa thì ta ắt vẫn là bất sanh bất diệt rồi. Ông rõ ràng không làm được thế, vậy thì làm sao định được sống chết của ta ?

Thần cúi đầu, nói:

- Tôi cũng thuộc loại thần thông minh chính trực hơn các thần khác, há chẳng biết sự có trí biện quảng đại sao ? Nay cúi mong trao cho chính giới để độ thế.

Sư nói:

- Ông đã xin giới là đã có giới rồi. Tại làm sao vậy ? Ngoài giới không có giới, thì còn giới nào ?

Thần nói:

- Cái lý này tôi nghe quá mơ hồ, không hiểu, chỉ cầu xin sư truyền giới cho thân tôi để làm môn đệ.

Sư bèn bày chỗ ngồi, cầm đuốc, sửa bàn, nói:

- Truyền ông năm giới, nếu giữ được thì nói được, không được nói không.

Nói:

- Xin kính cẩn thọ giới.

Sư hỏi:

- Ông giữ bất dâm được chứ ?

Người đó đáp:

- Con cũng lấy vợ rồi.

Sư bảo:

- Không phải chuyện đó, đây là nói chuyện không bủa lưới tóm hết dục kìa.

Người ấy nói:

- Vậy thì được.

Sư hỏi:

- Ông không được trộm cắp chứ ?

Đáp:

- Con đâu có túng thiếu gì há phải trộm lấy sao !

Sư nói:

- Không phải chuyện đó, đây là nói hưởng thụ phước quá nhiều, không cúng dường nên kết họa.

Đáp:

- Thế thì được.

Hỏi:

- Ông giữ bất sát chứ ?

Đáp:

- Làm quan nắm quyền sao nói bất sát được ?

Sư nói:

- Không phải chuyện đó, đây là nói xét sai, nghi lầm khi xử án.

- Vậy thì được.

Sư lại hỏi:

- Ông chẳng uống rượu be bét chứ ?

Đáp:

- Điều đó được.

Sư nói:

- Như trên vừa kể đây là Phật giới.

Lại bảo:

- Nên lấy hữu tâm phụng giữ mà vô tâm nắm bắt, lấy hữu tâm vô vật mà vô tâm tưởng thân. Được như vậy tất là trước trời đất sinh chẳng

là tinh, sau trời đất chết chẳng là lão, suốt ngày biến hóa mà chẳng động, hết trọn tịch mặc mà chẳng dừng nghĩ... Ngộ được như thế thì tuy kết hôn mà là không vợ, tuy thụ hưởng song chẳng ôm giữ, tuy nắm cầm mà chẳng uy quyền, tuy làm mà chẳng cố, tuy say mà chẳng mê. Nếu được vô tâm nơi vạn vật tất tùm bắt dục mà chẳng dâm, phước nhiều họa lắm (phúc dâm họa thiện) chẳng là trộm cắp, sai lầm nghi lẫn (lạm ngộ nghi hỗn) chẳng phải sát, trước sau trái với trời mà chẳng vọng, hỗn loạn đảo điên nhưng chẳng sai, ấy gọi là vô tâm. Vô tâm thì chẳng cần giới, vô giới ắt vô tâm. Không Phật, không chúng sanh, không ông không ta, vậy thì ai cần giữ giới chứ ?

Thần nói:

- Thần thông con xấp xỉ Phật.

Sư nói:

- Thần thông ông có mười nhưng năm giỏi, năm kém. Phật có mười, bảy được, ba chẳng được.

Thần đột nhiên rời chỗ ngồi, quỳ xuống bạch:

- Con có thể nghe được không ?

Sư nói:

- Ông có thể đến Thượng đế, từ trời đông nhảy bảy bước sang Tây được không ?

Đáp:

- Không được.

Sư nói:

Ông có đoạt được thần đất, trộn năm núi kết bốn biển được không ?

- Không được.

Sư:

- Đây gọi là năm không được. Phật có thể hóa không hết thủy tướng thành trí vạn pháp, nhưng không thể diệt trừ định nghiệp, Phật năng biết mọi hữu tình có tánh, thấu tận đến ức kiếp sự nhưng không thể

hóa đạo kẻ không duyên. Phật năng độ vô lượng chúng hữu tình mà không thể độ hết tận chúng sanh giới. Ấy là ba điều không thể làm. Định nghiệp cũng chẳng bền lâu, không duyên cũng là một giai đoạn. Chúng sanh giới vốn không tăng giảm, nên biết rằng không ai có thể làm chủ pháp ấy. Có pháp vô chủ, ấy gọi là vô pháp. Vô pháp vô chủ, ấy là vô tâm. Như ta đã nói, Phật cũng không có thần thông, nhưng có thể dùng vô tâm mà thông đạt hết mọi pháp ấy.

Thần nói:

- Con thật sự nông cạn, mê muội, chưa từng nghe nghĩa của cái không giới mà sư truyền cho con, con nên phụng hành. Nay nguyện báo đáp đức từ, con sẽ ra sức báo đáp trong khả năng.

Sư nói:

- Ta quán thân vô vật, quán pháp vô thường, an nhiên đơn độc thì còn mong cầu gì.

Thần nói:

- Sư nếu khiến con hành sự thế gian, tất triển khai tiểu thần công của con khiến cho kẻ đã phát tâm, vừa phát tâm, chưa phát tâm, chẳng tín tâm, sẽ tín tâm, năm hạng người chứng kiến thần tích của con, biết có Phật có thần, có điều làm được, điều làm không được, có tự nhiên, có không tự nhiên vậy.

Sư nói:

- Không là vậy, không là vậy.

Thần:

- Phật cũng sai khiến thần hộ pháp. Sư lại dám làm trái Phật sao ? Mong sư tùy ý chỉ dạy.

Sư bắt đặc dĩ nói:

- Phần che của chùa 12 mỏm núi phía Đông trơ trụi không cây cối, ngọn núi tròn phía Bắc có cây nhưng là mặt sau không che được, ông có thể mang cây phía núi Bắc ấy đến ngọn đông được không ?

Thần nói:

- Đã nghe được lệnh, nhưng đêm tối sẽ có náo động, mong sư đừng sợ.

Bèn lễ bái từ tạ ra đi.

Sư vừa đưa đến cổng vừa nhìn theo, thấy nghi vệ lẫm liệt như dạng bậc vương giả, khói mây ngàn ngút, giữa chốn quỳện quàng ấy, cờ phướn trang hoàng, vòng ngọc, bay vọt lên không ầm mát.

Đêm ấy, quả có gió dữ, sấm động, mây tuôn, sét lóe, rừng mái rung rinh, chim ngủ đêm kêu huyên náo, sư bảo chúng:

- Đừng sợ, đừng sợ ! Thần với ta đã định rồi vậy.

Sáng sớm hôm sau thời tiết yên ắng, khu rừng tùng phía núi Bắc đều chuyển đến ngọn đông, xanh tươi thẳng đứng.

Sư bảo cùng đồ chúng:

- Sau khi ta mất, đừng để người ngoài biết, nếu nói ra người sẽ nói ta là yêu quái.

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tư, Bính Thìn. Sư báo cùng môn đồ:

- Lúc đầu ta tọa tại chùa ở mé núi Đông. Khi ta tịch diệt, các ông táng hài cốt ta tại núi ấy.

Nói xong thì như thoát xác vậy. Sư thọ 73 tuổi, môn nhân xây tháp.

### **Bài đọc thêm: CÁC TỔ ĐỜI THỨ TÁM**

Đời Đường, thiền sư Phổ Tịch ở núi Trung Cao, Lạc Châu, thiền sư Kinh Hiền ở Tung Sơn, thiền sư Nghĩa Phước ở Lan Sơn, Trường An, thiền sư Huệ Phước ở Ngọc Sơn Lam Điền đều là bạn bè cùng học pháp chung một thầy, sau đó đều kế thừa hòa thượng Đại Thông. Họ đều là những người xuất gia từ thuở còn thơ, giới hạnh đều thanh tịnh, tâm sư hỏi đạo, đi xa cầu đạo, tới chùa Ngọc tuyền ở Kinh châu, gặp hòa thượng Đại Thông tên húy là Tú, mong ơn ngài truyền thụ Thiên pháp.

Các sư này đều phụng sự đại sư trên 10 năm, và hoát nhiên tự chứng ngộ, ngọc Thiên riêng chiếu. Đại sư dặn dò các ngài Phổ Tịch, Kinh Hiền, Nghĩa Phước, Huệ Phước rằng:

- Hãy làm ngọn đèn sáng rọi thế gian, truyền gương lớn pha lê.

Kẻ ngồi thiền trên đời ngợi khen bốn thiền sư trên rằng: “Núi pháp tịnh, biển pháp trong, gương pháp rạng, đèn pháp sáng. Ngồi yên trên danh sơn, lắng thần nơi cốc sâu, đức trùm biển kính, làm sum sê cảnh thiên, thanh tịnh vô vi, một mình tự tại, đèn thiên hiển nhiên soi rọi, kẻ theo học đều chứng Phật tâm”.

Từ triều Lưu Tống đến nay, các thiền sư đạo đức, đời đời nối tiếp, bắt đầu từ ngài Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà-la đời Lưu Tống, bao đời truyền đèn, cho đến triều Đường, tính chung là 8 đời, đặc đạo chứng quả, có 24 vị.

(Theo **Lăng Già Sư Tư Ký**)

## **ĐỜI THỨ BA SAU NGŨ TỖ CHUNG NAM SƠN – THIỀN SƯ DUY CHÍNH PHÁP TỰ CỦA TUNG SƠN - THIỀN SƯ PHỔ TỊCH**

Chung Nam sơn - thiền sư Duy Chính, người Bình Nguyên, họ Chu. Thọ nghiệp với pháp sư Thuyên Trừng, chùa Diên Hòa tại bổn châu. Sư đặc pháp nơi thiền sư Phổ Tịch, Tung Sơn, đoạn vào núi Thái Nhất. Học giả kéo đến đầy thất.

Thời Đường, vua Văn Tông ưa thích ăn nghêu, các quan miệt ven biển phải thay nhau cung cấp, dân cũng bị vất vả. Ngày nọ, trong bữa ăn của vua có con nghêu nạy không mở vỏ. Để lấy làm lạ, bèn đốt hương cầu khẩn, nghêu mở vỏ, thấy bên trong thịt hiện ra dung nghi Bồ-tát Phạm tướng đầy đủ. Để bèn đặt vào hộp trộn bột quế và đàn hương, lấy



gắm đẹp sợi vàng bọc lại, ban cho chùa Hưng Thiện, để chúng tăng chiêm lễ. Nhân đó vua hỏi quần thần:

- Đây là điềm lành gì ?

Có người tâu:

- Núi Thái Nhất có thiên sư Duy Chính thông tỏ Phật pháp, uyên bác, nhớ nhiều, nên hạ chiếu thỉnh vấn.

Đế gửi chiếu vời sư đến hỏi sự việc đó.

Sư nói:

- Thần nghe vật chẳng tự không mà ứng, đây là khái phát tin tâm của Bệ hạ. Khế kinh có nói: “Nên cần thân này được độ, tức hiện thân này mà thuyết pháp”.

Đế nói:

- Bồ-tát thân đã hiện nhưng chưa được nghe thuyết pháp.

Sư nói:

- Bệ hạ thấy việc này có thường không ? Có phi thường không ? Có tin không ? Hay không tin ?

Đế nói:

- Chuyện rất hiếm hoi trăm rất tin sâu.

Sư:

- Bệ hạ đã nghe thuyết pháp rồi đó.

Vua nghe rất vui lòng vì được sự chưa từng có, bèn lệnh cho các tự viện trong thiên hạ lập tượng Quan Âm thờ để đáp tạ điềm lành hy hữu này.

Vua giữ sư ở lại đạo trường trong cung, sư từ chối mãi, trở về núi. Chiếu thỉnh Sư trụ trì chùa Thánh Thọ. Khi Võ Tông lên ngôi, sư chọt vào ẩn cư núi Chung Nam. Người hỏi duyên cớ, sư nói:

- Ta tránh kẻ thù.

Sau sư tịch diệt ở am trong núi, thọ 87 tuổi, làm lễ trà tì thu xá-lợi 49 hạt, môn nhân nhập tháp ngày mùng 4 tháng 9 niên hiệu Hội Xương.

**ĐỜI THỨ TƯ SAU NGŨ TỖ**  
**BẢO ĐƯỜNG - THIỀN SƯ VÔ TRỤ**  
**PHÁP TỰ CỦA THIỀN SƯ VÔ TƯỚNG**

Ích Châu, chùa Bảo Đường, thiền sư Vô Trụ, lúc đầu được pháp nơi thiền sư Vô Tướng. Sư ngụ tại núi Bạch Nhai, Nam Dương. Chỉ vụ sự an tịch.

Qua mấy năm, học giả lần lượt kéo đến, cầu thỉnh không dứt. Từ đây, sư mới chỉ dạy, tuy giảng rộng ngôn giáo song chỉ lấy vô niệm làm Tông chỉ.

Tướng quốc nhà Đường là Đỗ Hồng Tiệm nhân ra ngoài cõi phủ dụ, nghe danh Sư, nghĩ muốn một lần chiêm lễ, bèn sai sứ đến núi thỉnh mời.

Lúc ấy, Tiết Độ sứ Thôi Ninh cũng lệnh tăng đồ các chùa cùng đi xa đón, đến chùa Không Huệ. Lúc ấy, Đỗ Công cùng soái tướng mời bậc thạc đức tam học (giới định tuệ) đồng đến tự viện.

Thi lễ xong, Công hỏi:

- Trong thời gian ngắn, Sư từng dừng gậy tại nơi này nhưng sau đó thì đi đến nơi nào vậy ?

Sư nói:

- Vô Trụ tánh thích đơn sơ, hoang dã nên thường ở nơi núi non. Từ Hạ Lan, Ngũ Đài chu du thắng cảnh, nghe Tiên sư ở tại chùa Đại Từ Quý Phong thuyết pháp Tối thượng thừa, bèn từ xa tới vén áo thờ thầy, cung kính tham dự pháp hội. Sau tới ở mỏm núi Trì Bạch trải nhiều năm. Nay hân hạnh được Tướng quốc cho gọi, há dám chẳng vâng mệnh !

Công hỏi:

- Đệ tử nghe Hòa thượng Kim (Hòa thượng Kim là người Triều Tiên) thuyết tam cú pháp môn vô ức, vô niệm chẳng vọng có phải không ?

Sư đáp:

- Đúng vậy.

Công hỏi:

- Tam cú ấy là một hay là ba ?

Sư đáp:

- Không nhớ gọi là giới, không nghĩ gọi là định, chẳng vọng là huệ.

Một tâm chẳng sanh, đầy đủ giới, định, huệ. Không một, không ba vậy.

Công hỏi:

- Chữ “Vọng” câu sau chót, há chẳng phải là chữ “Vọng” theo (bộ) tâm sao ?

- Theo bộ *nữ* mới đúng.

Công hỏi:

- Có chứng cứ không ?

Sư đáp:

- Kinh Pháp Cú nói: “Nếu khởi tâm tinh tấn là vọng, chớ không tinh tấn. Nếu hay giữ tâm bất vọng, tinh tấn không bến bờ”.

Công nghe qua, nghi tình tan biến. Công lại hỏi:

- Sư cũng lấy tam cú chỉ điểm cho người chớ ?

Sư nói:

- Người học sơ tâm còn phải khiến dứt niệm lắng trong, ngăn chặn sóng thức cuộn tuôn, nước trong ảnh hiện. Ngộ không niệm thể tịch diệt hiện tiền, vô niệm cũng chẳng lập.

Ngay lúc ấy, trên hàng cây trước sân có tiếng quạ kêu. Công hỏi:

- Sư nghe không ?

Sư đáp:

- Nghe.

Quạ bay đi, Công lại hỏi:

- Sư nghe không ?

Đáp:

- Nghe.

Công nói:

- Quạ bay đi thì không còn tiếng, sao lại nói nghe ?

Sư bèn rộng bảo mọi người:

- Phật tại thế khó gặp, Chánh pháp khó được nghe, mọi người hãy lắng nghe. Nghe không có tiếng, nó không liên quan gì đến tánh nghe. Bản lai là không sanh thì có bao giờ diệt ? Lúc có tiếng vang ấy là thanh trần tự sanh. Lúc không có âm thanh là thanh trần tự diệt. Mà cái tánh nghe này, nó chẳng tùy tiếng mà sanh, chẳng tùy tiếng mà diệt. Ngộ cái tánh nghe này, tất không bị lôi cuốn theo thanh trần. Nên biết nghe không sanh diệt, nghe không đến đi.

Công và các liêu thuộc cùng chúng cúi đầu đánh lễ. Lại hỏi:

- Sao gọi là Đệ nhất nghĩa ? Đệ nhất nghĩa đó theo thứ bậc nào để chúng nhập được ?

Sư nói:

- Đệ nhất nghĩa không có thứ bậc, cũng không ra vào. Thế tục đế thì tất thấy đều có, Đệ nhất nghĩa tức không. Các pháp không tánh tánh gọi là Đệ nhất nghĩa. Phật nói pháp có gọi là tục đế, tánh không là Đệ nhất nghĩa.

Công nói:

- Như sư chỉ bày thực là không thể nghĩ lường.

Công lại nói:

- Đệ tử thức tánh nông cạn, xưa nhân rồi việc quan, soạn được Khởi Tín Luận Chương Sớ 2 quyển, có thể gọi là Phật pháp không ?  
(Chú: “Chương sớ” là sách chú giải kinh điển).

Sư nói:

- Phàm làm chương sớ (sách chú giải), đều dùng thức tâm, nghĩ tưởng so sánh phân biệt, có làm có tạo, khởi tâm động niệm, mới có thể hoàn thành. Theo Luận văn thì: “Nên biết hết mọi pháp từ xưa đến nay đều lia xa tướng nói năng, lia danh tự tướng, lia tâm duyên tướng, rốt cùng đều bình đẳng, không có đối khác. Duy có nhất tâm nên gọi là chân

như”. Nay tướng công chấp trước ngôn thuyết tướng, chấp trước danh tự tướng, chấp trước tâm duyên tướng. Nếu đã chấp thủ đủ thứ tướng, sao gọi là Phật pháp ?

Công đứng dậy làm lễ, bạch:

- Đệ tử cũng từng hỏi các Đại đức quan cung phụng họ đều khen ngợi đệ tử không thể nghĩ bàn. Nay biết bọn họ chỉ vị nhân tình. Nay sư theo lý mà thuyết giải hợp pháp tâm địa mới thực là chân lý không thể nghĩ bàn.

Công lại hỏi:

- Thế nào là bất sanh ? Sao là bất diệt ? Sao được giải thoát ?

Sư nói:

- Thấy cảnh tâm không khởi gọi là bất sanh. Bất sanh tức bất liệt. Đã không sanh diệt tức chẳng bị ràng buộc vào tiền trần, ngay đó mà giải thoát. Bất sinh tên gọi vô niệm, vô niệm là vô diệt, vô niệm là không bị ràng buộc, vô niệm tức là vô thoát. Nói tóm lại, thức tâm tức ly niệm, kiến tánh là giải thoát. Ngoài thức tâm kiến tánh mà có pháp môn chứng vô thượng Bồ-đề là không có chuyện đó được.

Công hỏi:

- Sao gọi là thức tâm kiến tánh ?

Sư đáp:

- Mọi người học đạo, cứ theo niệm chuyển biến, ấy là không biết được chân tâm. Chân tâm là niệm sanh cũng chẳng thuận sanh theo, niệm diệt cũng chẳng vắng lặng theo. Không đến không đi, không định không loạn, không giữ không buông, chẳng chìm chẳng nổi, vô vi vô tướng linh hoạt phần phát, bình thường tự tại. Tâm thể này rốt cùng là không thể đắc, không thể hiểu biết. Nhìn đâu cũng đều như như, không gì là chẳng thấy tánh.

Công cùng mọi người hành lễ, xưng tán, hồ hởi ra về. Sau đó, sư trụ trì tại chùa Bảo Đường đến cuối đời./.